

**BỘ TÀI CHÍNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: *15404* /BTC-QLCS

Hà Nội, ngày *15* tháng 12 năm 2020

V/v lấy ý kiến thẩm định về dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

Kính gửi: Bộ Tư pháp

Triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công được Quốc hội khoá XIV thông qua tại kỳ họp thứ 3 ngày 21/6/2017; thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Công văn số 5243/VPCP-NN ngày 14/6/2019 của Văn phòng Chính phủ: “*Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng và các Bộ ngành có liên quan xây dựng Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trình Chính phủ trong năm 2019*”; Bộ Tài chính đã có các Công văn số 15384/BTC-QLCS ngày 18/12/2019, số 11313/BTC-QLCS ngày 17/9/2020 gửi lấy ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương về dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Căn cứ quy trình ban hành văn bản quy phạm pháp luật hiện hành, Bộ Tài chính xin gửi tới Quý Bộ:

- Dự thảo Tờ trình Chính phủ và dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

- Bản tổng hợp ý kiến và bản sao các ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương về dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

- Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Đề nghị Quý Bộ nghiên cứu, có ý kiến thẩm định về dự thảo Nghị định của Chính phủ nêu trên, gửi Bộ Tài chính để hoàn thiện dự thảo Nghị định trình Chính phủ xem xét, ban hành. *zul*

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Lưu: VT, QLCS. *(66) Kly*

**KT. BỘ TRƯỞNG**  
**THỨ TRƯỞNG**



**Trần Xuân Hà**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BÁO CÁO

### **Đánh giá tác động thủ tục hành chính trong dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản hạ tầng cấp nước sạch**

Triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 được thông qua tại kỳ họp thứ 3 Quốc hội khóa XIV ngày 21/6/2017; căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật, Bộ Tài chính thực hiện Báo cáo đánh giá tác động thủ tục hành chính trong Dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch như sau:

#### **I. Tổng kê các thủ tục hành chính trong Dự thảo Nghị định**

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch dưới góc độ tài chính - tài sản là một nội dung mới được quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công. Do vậy, tại dự thảo Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có quy định một số thủ tục hành chính mới (sau đây viết tắt là TTHC) cụ thể như sau:

##### ***1. Nhóm thủ tục hành chính về giao, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch***

###### ***a) Nhóm thủ tục hành chính về giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch***

- TTHC trong việc giao quản lý tài sản (các Điều 6, 7, 8, 28, 29);
- TTHC trong việc bán, giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung có hoàn trả giá trị vốn đầu tư cho Nhà nước (các Điều 9, 29);
- TTHC trong việc bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị (các Điều 9, 29).

###### ***b) Nhóm thủ tục hành chính về xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch***

- TTHC trong thu hồi tài sản (Điều 19);
- TTHC trong điều chuyển tài sản giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh; từ cơ quan, đơn vị quản lý sang doanh nghiệp theo

hình thức Nhà nước đầu tư vốn vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Điều 20);

- TTHC trong thanh lý tài sản (Điều 21);
- TTHC xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại (Điều 22);
- TTHC về quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản (Điều 24).

## ***2. Nhóm thủ tục hành chính về khai thác tài sản hạ tầng cấp nước sạch***

- TTHC trong việc trực tiếp tổ chức khai thác tài sản (Điều 14);
- TTHC trong việc cho thuê quyền khai thác tài sản (Điều 15);
- TTHC trong việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản (Điều 16);
- TTHC trong xử lý số tiền thu được từ khai thác tài sản (Điều 23).

## **II. Đánh giá tác động của các thủ tục hành chính**

Các TTHC trong nội dung Nghị định cơ bản đã bao gồm đầy đủ nội dung TTHC (trình tự thực hiện, cách thức thực hiện, thời hạn giải quyết...). Theo quy định tại Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ; tại báo cáo này tập trung đánh giá sự cần thiết của TTHC dự kiến ban hành trong Dự thảo Nghị định, tính hợp lý, tính hợp pháp, các tác động mang tính định tính (chưa thể lượng hóa được các tác động do đây là thủ tục mới và phụ thuộc vào nội dung cụ thể hóa của các văn bản dưới luật), cụ thể như sau:

### ***1. Nhóm thủ tục hành chính về giao, xử lý tài sản hạ tầng cấp nước sạch***

#### ***a. Sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp của TTHC***

- Nhóm TTHC loại này là cần thiết, nhằm mục đích bảo đảm quy trình chặt chẽ trong phối hợp hoạt động giữa các cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp khi thực hiện: (i) Việc giao quản lý tài sản hạ tầng cấp nước sạch: cơ quan quản lý nhà nước về tài sản hạ tầng cấp nước sạch; cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn/đô thị thuộc UBND cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản theo phương thức tăng tài sản; doanh nghiệp nhà nước được giao quản lý tài sản theo phương thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; tổ chức được mua tài sản theo phương thức đấu giá/doanh nghiệp được giao tài sản theo phương thức hoàn trả vốn đầu tư cho nhà nước. (ii) việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo các phương thức: thu hồi; điều chuyển; thanh lý; xử lý khi bị mất mát, hư hỏng: cơ quan quản lý nhà nước về tài sản hạ tầng cấp nước sạch; cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn/đô thị thuộc UBND cấp tỉnh; cơ quan quản lý nhà nước về tài sản công; cơ quan, đơn vị được giao tài sản; doanh nghiệp tiếp nhận tài sản.

- Các biện pháp, TTHC đưa ra cơ bản bảo đảm tính cân xứng, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước trong giai đoạn hiện nay; đảm bảo rõ ràng, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước.

- Các TTHC không chồng chéo, trùng lặp với các TTHC khác; đồng thời phù hợp thẩm quyền quy định của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, phù hợp với việc ủy quyền cho Chủ tịch UBND cấp tỉnh.

*b. Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của các thủ tục*

Đây là các thủ tục phát sinh chủ yếu trong quản lý hành chính của các cơ quan quản lý nhà nước; việc phát sinh chi phí cho doanh nghiệp không lớn, chủ yếu trong việc giao tài sản (lập hồ sơ đề nghị giao tài sản có hoàn trả giá trị vốn đầu tư cho Nhà nước; hồ sơ đăng ký mua tài sản đấu giá).

**2. Nhóm thủ tục hành chính về khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

*a) Sự cần thiết, tính hợp lý, hợp pháp của TTHC*

- Nhằm quản lý chặt chẽ, đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức tham gia vào hoạt động khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, nâng cao hiệu quả sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thông qua việc cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn tài sản.

- Nhóm TTHC này nhằm đảm bảo rõ ràng, minh bạch trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, giúp tổ chức được Nhà nước cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn tài sản có phương án kinh doanh, khai thác có hiệu quả tài sản.

- Các TTHC thuộc nhóm này không chồng chéo, trùng lặp với các TTHC khác; đồng thời phù hợp với thẩm quyền quy định của UBND cấp tỉnh.

*b) Đánh giá tác động về chi phí tuân thủ của các thủ tục*

Nhóm TTHC này chủ yếu phát sinh chi phí hành chính cho các cơ quan quản lý nhà nước; hầu như không phát sinh chi phí về TTHC đối với tổ chức được Nhà nước cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn tài sản hạ tầng cấp nước sạch. Về phía nhà nước, tuy có phát sinh chi phí hành chính cho các cơ quan Nhà nước nhưng xét về hiệu quả của việc cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng tài sản và chi phí thì vẫn mang lại hiệu quả lớn hơn. Về tổng thể, nhóm thủ tục hành chính này có tác động tích cực về kinh tế cũng như xã hội trong quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Trên đây là báo cáo đánh giá tác động của Dự thảo Nghị định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch./.



**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hà Nội, ngày tháng 12 năm 2020

**TỜ TRÌNH**

**Về việc ban hành Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

Kính gửi: Chính phủ

Triển khai Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017; thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 5243/VPCP-NN ngày 14/6/2019 của Văn phòng Chính phủ; Bộ Tài chính đã phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, các Bộ, ngành liên quan và địa phương dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. Bộ Tài chính xin trình Chính phủ như sau:

**A. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH NGHỊ ĐỊNH**

**I. Triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công**

Triển khai thi hành Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018), tại khoản 3 Điều 13 Luật quy định: *Chính phủ quy định chi tiết về quản lý, sử dụng, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng.*

Trong thời gian qua, thực hiện Chương trình công tác của Chính phủ, Bộ Tài chính đã trình Chính phủ ban hành 06 Nghị định quy định về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi, giao thông (hàng hải, hàng không, đường thủy nội địa, đường sắt quốc gia, đường bộ), gồm: số 129/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017, số 43/2018/NĐ-CP ngày 12/3/2018, số 44/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018, số 45/2018/NĐ-CP ngày 13/3/2018, số 46/2018/NĐ-CP ngày 14/3/2018, số 33/2019/NĐ-CP ngày 23/4/2019;

Thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ Nguyễn Xuân Phúc tại Công văn số 5243/VPCP-NN ngày 14/6/2019 của Văn phòng Chính phủ: *“Giao Bộ Tài chính chủ trì, phối hợp với các Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng và các Bộ ngành có liên quan xây dựng Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trình Chính phủ”.*

**II. Kết quả đạt được và hạn chế của chính sách hiện hành**

**1. Đánh giá thực trạng về việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

**1.1. Cơ chế, chính sách chung về hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch được thực hiện theo quy định tại Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BXD**

ngày 27/4/2020 của Bộ Xây dựng về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch (hợp nhất 02 Nghị định số 117/2007/NĐ-CP ngày 11/7/2007, số 124/2011/NĐ-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và Nghị định số 98/2019/NĐ-CP ngày 27/12/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định thuộc lĩnh vực hạ tầng kỹ thuật). Theo quy định của cơ chế này:

(1) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là một hệ thống bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước, mạng lưới đường ống sử dụng nguồn nước mặt và nước ngầm để cung cấp nước đến khách hàng sử dụng nước và các công trình phụ trợ có liên quan tại khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế;

(2) Cơ quan thực hiện chức năng quản lý nhà nước về hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch gồm: Bộ Xây dựng đối với hoạt động cấp nước đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, khu kinh tế; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đối với hoạt động cấp nước nông thôn; Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức và phát triển các dịch vụ cấp nước cho các nhu cầu khác nhau trên địa bàn;

(3) Về quản lý tài sản, Bộ Tài chính có trách nhiệm: hướng dẫn, chỉ đạo việc quyết toán, đánh giá tài sản đối với các công trình cấp nước đã đầu tư, xác định giá trị tài sản giao vốn cho doanh nghiệp; nghiên cứu trình Thủ tướng Chính phủ phương án xác định giá trị tài sản được tính khấu hao đưa vào giá thành và biện pháp xử lý giá trị tài sản chênh lệch còn lại của công trình cấp nước đã được đầu tư.

**1.2. Cơ chế, chính sách và thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

*a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung*

a1) Tại các Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013, số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính quy định tương đối đầy đủ cơ chế quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông tập trung được hình thành do ngân sách nhà nước đầu tư hoặc được hình thành từ nhiều nguồn vốn. Một số nội dung chủ yếu của cơ chế này như sau:

(1) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định giao công trình cấp nước sạch nông tập trung cho đối tượng quản lý đảm bảo tính hiệu quả và phù hợp khi giao công trình tương ứng với mô hình hoạt động và thực tế tại địa phương. Đối tượng được giao công trình gồm: đơn vị sự nghiệp công lập (*Trung tâm nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường tỉnh*); doanh nghiệp (*Doanh nghiệp nhà nước, Công ty trách nhiệm hữu hạn, Công ty cổ phần, Công ty hợp danh, Doanh nghiệp tư nhân*); hợp tác xã; Ủy ban nhân dân cấp xã và cộng đồng. Trong đó, việc giao công trình cho doanh nghiệp với điều kiện doanh nghiệp có chức năng quản lý, vận hành khai thác công trình cấp nước sạch và gắn với trách nhiệm theo loại hình doanh nghiệp, cụ thể: (i) Ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp; (ii) nhận nợ với Nhà nước; (iii) thanh toán giá trị công trình theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

(2) Trong quá trình quản lý, sử dụng, đối tượng được giao quản lý thực hiện việc khai thác (cấp nước, thu tiền nước theo giá quy định của Ủy ban nhân dân cấp

tinh); có trách nhiệm trích khấu hao, hao mòn tài sản, thực hiện việc bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa công trình tương ứng với loại hình đơn vị được giao quản lý, sử dụng và cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản nhà nước. Trường hợp việc trích khấu hao công trình làm cho giá thành nước sạch cao hơn giá bán quy định của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thì sẽ được cấp bù từ ngân sách nhà nước trên cơ sở cân đối từ nguồn ngân sách của địa phương.

(3) Việc khai thác công trình được thực hiện theo 02 phương thức, gồm: tự vận hành, khai thác công trình hoặc giao khoán công trình (giao khoán toàn bộ hoặc một số công việc của quá trình vận hành, khai thác công trình).

(4) Việc xử lý công trình được thực hiện theo các phương thức: điều chuyển, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng, thanh lý.

a2) Theo Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công đến ngày 31/12/2019 trên cả nước có 15.276 công trình với tổng giá trị nguyên giá là 22.548 tỷ đồng, giá trị còn lại là 7.524,9 tỷ đồng, trong đó: 9.547 công trình cấp nước tự chảy; 5.542 công trình cấp nước sử dụng bơm động lực, 133 công trình cấp nước bằng công nghệ hồ treo; 54 công trình cấp nước hỗn hợp. Các công trình này đã được giao cho đối tượng quản lý, gồm: Ủy ban nhân dân cấp xã: 12.870 công trình (chiếm 84,2%); đơn vị sự nghiệp công lập: 1.908 công trình (chiếm 12,4%); doanh nghiệp: 498 công trình (chiếm 3,2%). Đến nay, có 33,3% số công trình hoạt động bền vững, 37,9% số công trình hoạt động trung bình, 16,7% số công trình hoạt động kém hiệu quả và 11,9% số công trình hoạt động không hoạt động.

*b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị*

Cơ chế quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp. Theo đó:

(1) Quy định về việc Nhà nước nắm giữ quyền sở hữu vốn đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực sản xuất, kinh doanh nước sạch như sau:

- Theo quy định tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp thì “doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch đô thị” thuộc diện được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước trong doanh nghiệp; theo quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP thì lĩnh vực khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch đô thị không thuộc diện được Nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ cổ phần, vốn góp của Nhà nước trong doanh nghiệp.

- Theo Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ về tiêu chí phân loại doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp có vốn nhà nước và Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020 thì hoạt động kinh doanh nước sạch đô thị không thuộc nhóm Nhà nước nắm giữ từ 50% vốn điều lệ trở lên; theo Danh mục doanh nghiệp nhà nước thực hiện sắp xếp giai đoạn 2016 - 2020 thì có 10 doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước và kinh doanh nước sạch đô thị thuộc nhóm Nhà nước nắm giữ dưới 50% vốn điều lệ.

(2) Việc đầu tư, quản lý, sử dụng, hạch toán, trích khấu hao tài sản, nhượng bán, thanh lý được thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư vốn nhà nước vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp, Điều lệ hoạt động của doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Theo số liệu chưa đầy đủ từ Bộ Xây dựng thì tính đến tháng 4/2019 cả nước có hơn 500 hệ thống cấp nước đô thị với tổng công suất các nhà máy nước khoảng 9,2 triệu m<sup>3</sup>/ngày đêm. Trong tổng số hơn 200 doanh nghiệp cấp nước đô thị, doanh nghiệp là công ty cổ phần chiếm đại đa số, còn lại là Công ty TNHH MTV. Việc quản lý, sử dụng công trình được các doanh nghiệp thực hiện khá tốt, công trình được trích khấu hao, bảo trì, sửa chữa đúng quy định.

## 2. Nhận xét

2.1. Cơ chế quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch thời gian qua được điều chỉnh bởi các văn bản khác nhau mới quy định về cơ chế, chính sách chung của hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch như: kỹ thuật về sản xuất, vận hành cấp nước sạch; tiêu chuẩn chất lượng vệ sinh nước sạch.... Theo đó, việc quản lý, vận hành các công trình đã đảm bảo cung cấp nước sinh hoạt hợp vệ sinh, đạt quy chuẩn QCVN 02-BYT với công suất ít nhất là 60 lít/người/ngày, đáp ứng nhu cầu thiết yếu về sinh hoạt, cải thiện điều kiện sống cho nhân dân, đặc biệt đối với người dân vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số (đến nay khoảng 87% dân cư đô thị được cung cấp nước sạch; tỷ lệ thất thoát, thất thu nước sạch khoảng 21%).

2.2. Với góc độ quản lý tài chính về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; cụ thể:

a) *Về quản lý nhà nước*: Cơ chế hoạt động sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch là chung cho nông thôn và đô thị (hiện nay có sự phân biệt về tiêu chuẩn nước sạch giữa khu vực nông thôn và đô thị, với mục tiêu của Chính phủ và không còn ranh giới phân biệt này); việc quản lý nhà nước đang được thực hiện bởi 02 cơ quan (Bộ Xây dựng, Sở Xây dựng quản lý về cấp nước sạch đô thị ở trung ương và địa phương; Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý về cấp nước sạch nông thôn ở trung ương và địa phương); do đó về tổ chức bộ máy quản lý hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch, quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện tại chưa chặt chẽ do chưa bao quát việc quản lý tài sản hạ tầng cấp nước sạch đô thị và sẽ phát sinh những bất cập trong tương lai khi tách biệt hai cơ quan quản lý như hiện nay.

b) *Đối với tài sản là công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung* (02 Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013, số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính): (i) Về cơ bản, đã xác định và giao cho đối tượng quản lý công trình để vận hành cấp nước sạch; (ii) quản lý theo vòng đời tài sản (việc hạch toán, kế toán, bảo trì; khai thác vận hành công trình; xử lý: thanh lý, điều chuyển, nhượng bán).

Tuy nhiên, còn một số hạn chế: (i) Thông tư số 54/2013/TT-BTC quy định việc xác định giá trị công trình để giao theo nguyên tắc giá trị còn lại của nguyên giá ban đầu, không đánh giá lại giá trị thực tế nên giá trị công trình giao thường cao hơn giá trị thực tế sử dụng của công trình; theo đó, trường hợp giao doanh nghiệp sẽ ảnh



hưởng đến việc thu hồi vốn và duy trì hoạt động bền vững của công trình; như vậy, đánh giá việc giao công trình cho doanh nghiệp là hiệu quả, nhưng thực tế số lượng công trình được giao cho doanh nghiệp lại hạn chế; (ii) Cơ chế cấp bù giá nước sạch, quy định ngân sách nhà nước cấp bù trong trường hợp giá thành nước sạch cao hơn giá bán nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định; tuy nhiên, việc này phụ thuộc vào khả năng ngân sách của các địa phương và thực tế hầu như không thực hiện việc cấp bù theo quy định; do đó, ảnh hưởng đến việc bố trí kinh phí bảo trì, duy tu công trình của các đối tượng được giao quản lý, nhất là công trình giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã.

*c) Đối với tài sản là công trình cấp nước sạch đô thị:*

Do chưa có cơ chế trong việc giao tài sản cho doanh nghiệp quản lý sau đầu tư nên việc xác định giá trị tài sản nhà nước, vốn nhà nước trong doanh nghiệp thực hiện chưa tốt, nhiều trường hợp doanh nghiệp vẫn vận hành nhưng việc quản lý lại được tạm giao cho cơ quan quản lý nhà nước (phòng xây dựng/hạ tầng thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện) dẫn đến việc bảo toàn và phát huy giá trị vốn Nhà nước trong doanh nghiệp chưa được thực hiện.

Từ tình hình trên, Bộ Tài chính trình Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là cần thiết về cơ chế và thực tiễn.

## **B. VỀ QUY TRÌNH SOẠN THẢO**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; thực hiện chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 5243/VPCP-NN ngày 14/6/2019 của Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính đã có Công văn số 15384/BTC-QLCS ngày 18/12/2019 lấy ý kiến của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương dự thảo Tờ trình Chính phủ, dự thảo Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; tổng hợp ý kiến tham gia.

Do ý kiến tham gia (nhất là của các địa phương) chưa tập trung, các giải pháp đề xuất để quản lý có sự khác biệt lớn giữa các địa phương, vùng miền; ngày 03/3/2020, Bộ Tài chính đã tổ chức cuộc họp với 03 Bộ: Tư pháp, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng và một số địa phương thảo luận về thực trạng quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch tại các địa phương và các giải pháp hoàn thiện quy định của pháp luật. Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính có Công văn số 11313/BTC-QLCS ngày 17/9/2020 xin ý kiến các Bộ, ngành, địa phương; đăng trên website: [mof.gov.vn](http://mof.gov.vn) và [taisancong.vn](http://taisancong.vn) xin ý kiến rộng rãi về dự thảo Tờ trình Chính phủ và Nghị định lần 2.

Trên cơ sở ý kiến các Bộ, ngành, địa phương, Bộ Tài chính đã hoàn chỉnh dự thảo Nghị định trình Chính phủ.

## **C. NGUYÊN TẮC XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ ĐỊNH**

1. Căn cứ quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; đồng bộ với 06 Nghị định của Chính phủ quy định về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng thủy lợi giao thông hàng hải, hàng không, đường thủy nội địa,

đường sắt quốc gia, đường bộ nêu trên và phù hợp với đặc thù riêng của tài sản.

2. Kế thừa những quy định còn phù hợp với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và sửa đổi, bổ sung các quy định không còn phù hợp tại các Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013, số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính.

3. Đảm bảo phù hợp với pháp luật có liên quan (Luật Ngân sách nhà nước, Luật Đất đai, Luật Đầu tư công...).

#### **D. KẾT CẤU VÀ NỘI DUNG CHÍNH CỦA NGHỊ ĐỊNH**

Dự thảo Nghị định có kết cấu 4 Chương 28 Điều: (i) Chương I: Quy định chung gồm 4 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4); (ii) Chương II: quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT cấp nước sạch gồm 21 Điều (từ Điều 5 đến Điều 25); (iii); (iv) Chương III: Tổ chức thực hiện gồm 3 Điều (từ Điều 26 đến Điều 28). Nghị định bao gồm các nội dung chính như sau:

##### **I. Chương I: Quy định chung,**

Chương này gồm 04 Điều (từ Điều 1 đến Điều 4), bao gồm các nội dung:

##### **1. Quy định về phạm vi điều chỉnh:**

(1) Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý;

(2) Quy định loại trừ không quản lý đối với các trường hợp: (i) TSKCHT cấp nước sạch không do Nhà nước đầu tư, quản lý; (ii) TSKCHT cấp nước sạch tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế; (iii) TSKCHT cấp nước sạch nhỏ lẻ, bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước cho một hoặc một vài hộ gia đình sử dụng nước.

Việc loại trừ TSKCHT cấp nước sạch tại các khu công nghiệp, khu công nghệ cao, khu kinh tế ra khỏi phạm vi điều chỉnh của Nghị định để đảm bảo đồng bộ với quy định tại văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 của Bộ Xây dựng về sản xuất, cung cấp và tiêu thụ nước sạch và quy định tại Điều 25, Điều 26 Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/5/2018 của Chính phủ về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế; cụ thể là: trách nhiệm đầu tư công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội tại các khu này thuộc trách nhiệm của Nhà đầu tư; Nhà nước chỉ hỗ trợ ngân sách có mục tiêu, theo từng địa bàn cụ thể.

2. Quy định về đối tượng áp dụng gồm: (i) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch; (ii) Đơn vị sự nghiệp công lập; (iii) Ủy ban nhân dân cấp xã; (iv) doanh nghiệp; (v) tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

##### **3. Quy định về giải thích từ ngữ:**

4. Quy định nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT cấp nước sạch với nội dung chủ yếu theo các nguyên tắc quy định tại Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; bổ sung thêm nguyên tắc quản lý, xử lý những tài sản không còn khả năng cấp nước hoặc không phù hợp với quy hoạch đã được phê duyệt thì việc thu hồi đất gắn với tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

##### **II. Chương II: Quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT cấp nước sạch**

Chương này gồm 21 Điều (từ Điều 5 đến Điều 25), kết cấu thành 8 Mục, cụ thể như sau:

**1. Mục 1 quy định về giao tài sản KCHT cấp nước sạch**

**a) Quy định về đối tượng và hình thức giao TSKCHT cấp nước sạch**

Căn cứ quy định tại Điều 75 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công về đối tượng được giao quản lý TSKCHT gồm: cơ quan nhà nước, đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp và các đối tượng khác theo quy định của pháp luật có liên quan; kế thừa thực tế các hình thức mà Nhà nước đã áp dụng để quản lý TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung từ năm 2013 đến nay đang phát huy hiệu quả (các Thông tư số 54/2013/TT-BTC, số 76/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính); dự thảo Nghị định quy định đối tượng và hình thức giao TSKCHT cấp nước sạch gồm:

(1) Giao tài sản theo hình thức ghi tăng tài sản cho: (i) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch; (ii) UBND cấp xã. Không áp dụng việc giao TSKCHT cấp nước sạch đô thị cho UBND cấp xã.

(2) Giao tài sản theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước (sau đây gọi là doanh nghiệp có vốn nhà nước) có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch; với các lý do sau đây:

- Doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định tại khoản 11 Điều 4 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021) “gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 của Luật này”; cụ thể: (i) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, (ii) Công ty TNHH 2 thành viên trở lên do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (gọi tắt là Công ty TNHH 2 thành viên trở lên), (iii) Công ty cổ phần do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (gọi tắt là Công ty cổ phần).

- Công ty cổ phần theo quy định tại Điều 111 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: “Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó: vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần”; theo đó công ty cổ phần có vốn nhà nước là doanh nghiệp có vốn nhà nước trong vốn điều lệ của doanh nghiệp.

- Theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH14) thì Nhà nước chỉ đầu tư bổ sung vốn để duy trì tỷ lệ vốn nhà nước tại Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty cổ phần (không thực hiện đầu tư bổ sung vốn để tăng tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp); theo đó, khi tăng vốn nhà nước tại 02 loại doanh nghiệp này phải thông qua Hội đồng thành viên (đối với Công ty TNHH 2 thành viên trở lên), Đại hội cổ đông (công ty cổ phần) theo quy định của pháp luật đầu tư vốn sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp. Thực tế hiện nay, phần lớn doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nước sạch là công ty cổ phần (do lĩnh vực khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không thuộc diện nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ, cổ phần của nhà nước trong

doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ); do đó, nếu quy định giao tài sản theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì sẽ rất khó tìm được doanh nghiệp phù hợp, thậm chí nhiều địa phương không có doanh nghiệp nào.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ giao tài sản cho doanh nghiệp có vốn nhà nước có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch theo hình thức tăng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp.

- Thẩm quyền; hồ sơ; trình tự thủ tục tăng vốn nhà nước (tương đương giá trị tài sản được giao) theo hình thức tăng vốn Nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật đầu tư vốn sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp. Doanh nghiệp có vốn nhà nước được giao tài sản được quyền chủ động sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật pháp luật về sản xuất và kinh doanh nước sạch, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

Quy định này một mặt khuyến khích thúc đẩy phát triển hệ thống TSKCHT cấp nước sạch, từng bước thực hiện lộ trình tính đúng, tính đủ chi phí (chi phí sản xuất, chi phí khấu hao tài sản...); Nhà nước kiểm soát thông qua biện pháp phê duyệt giá nước tiêu thụ như hiện nay; mặt khác góp phần duy trì tính bền vững của hoạt động sản xuất, kinh doanh nước sạch.

(3) Giao tài sản cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch) để lập phương án khai thác trong các trường hợp sau:

(i) Bán tài sản theo hình thức đấu giá cho các tổ chức để quản lý, sử dụng và khai thác vào mục đích sản xuất, kinh doanh nước sạch trong trường hợp không giao được tài sản cho các đối tượng quy định tại điểm (1) điểm (2) nêu trên. Lý do: căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT), tại khoản 7 Điều 7 Luật (quy định hình thức hình thức bán tài sản công là một trong những hình thức khai thác nguồn lực tài chính từ tài sản công), điểm đ khoản 1 Điều 80 Luật (về phương thức khai thác TSKCHT “*phương thức khác theo quy định của pháp luật*”).

Đồng thời, công trình nước sạch nông thôn tập trung là TSKCHT có tính đặc thù là loại tài sản có giá trị nhỏ, nằm phân tán tại các vùng, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội chưa phát triển, đã được NSNN đầu tư thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch nông thôn để cung cấp và khuyến khích người dân sử dụng nước sạch. Để việc quản lý thiết thực, có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của loại tài sản này; từ năm 2013 (tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC) năm 2017 (tại Thông tư số 76/2017/TT-BTC) đã quy định hình thức chuyển nhượng công trình cho khu vực ngoài nhà nước quản lý, khai thác; theo báo cáo của các địa phương thì phương thức này đến nay vẫn còn phù hợp và đang phát huy hiệu quả.

Trên cơ sở đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định việc bán bán TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung theo hình thức đấu giá cho tổ chức

là một phương thức khai thác tài sản nhằm thu hồi vốn đầu tư cho NSNN một cách nhanh nhất.

(ii) Cho thuê quyền khai thác hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp tài sản đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nhưng thực tế việc quản lý, sử dụng và khai thác không đạt hiệu quả để tiếp tục khai thác theo phương thức quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này.

Về thẩm quyền xem xét, quyết định áp dụng hình thức quản lý, khai thác công trình, Bộ Tài chính trình Chính phủ tiếp tục kế thừa quy định về thẩm quyền tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC, giao cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cụ thể đối với từng công trình cho phù hợp. Quy định này là để bảo đảm việc quản lý phù hợp với đặc điểm kinh tế - xã hội và văn hóa vùng miền của từng địa phương, duy trì hoạt động cấp nước sạch nông thôn. Theo phương án này, Bộ Tài chính đã thể hiện tại các Điều: 5, 6, 7, 8 dự thảo Nghị định này.

b) Quy định về thẩm quyền, trình tự thủ tục giao TSKCHT cấp nước sạch cho UBND cấp xã, ĐVSN, doanh nghiệp có vốn nhà nước (*Điều 6 dự thảo*).

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và phê duyệt phương án khai thác tài sản (*Điều 7 dự thảo*).

d) Quy định về bán TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung (*Điều 8 dự thảo*).

Nghị định đã quy định giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn cấp tỉnh căn cứ vào các điều kiện cụ thể để lập phương án quản lý, khai thác, trong đó có phương án bán tài sản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt. Theo đó quy định việc: (i) Bán tài sản theo hình thức đấu giá cho tổ chức để quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan; (ii) quy định việc xác định giá khởi điểm đấu giá và tổ chức đấu giá; (iii) việc thanh toán và bàn giao tài sản.

## **2. Các Mục từ Mục 2 đến Mục 7 quy định các nội dung:**

- Mục 2 quy định về hồ sơ quản lý kế toán tài sản KCHT cấp nước sạch gồm 2 Điều (*Điều 9, Điều 10*);

- Mục 3 quy định về bảo trì tài sản KCHT cấp nước sạch gồm 2 Điều (*Điều 11 Điều 12*);

- Mục 4 quy định về khai thác tài sản KCHT cấp nước sạch gồm 4 Điều (*từ Điều 13 đến Điều 16*);

- Mục 5 quy định về xử lý tài sản KCHT cấp nước sạch gồm 5 Điều (*từ Điều 17 đến Điều 21*);

- Mục 6 quy định về quản lý, sử dụng số tiền từ khai thác, xử lý tài sản KCHT cấp nước sạch gồm 2 Điều (*Điều 22, Điều 23*);

- Mục 7 quy định về cơ sở dữ liệu và báo cáo tài sản KCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung gồm 2 Điều (Điều 14, Điều 25).

Căn cứ các quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và nội dung đã được quy định tại các Nghị định của Chính phủ về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHT; kế thừa các nội dung đã được quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC và Thông tư số 76/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính đang còn phù hợp và phát huy hiệu quả; Bộ Tài chính đã thể hiện cụ thể vào các Điều của các Mục 2, 3, 4, 5, 6, 7 nêu trên.

### **III. Chương III. Tổ chức thực hiện**

Chương này gồm 03 Điều (từ Điều 26 đến Điều 28) quy định các nội dung, gồm: xử lý chuyển tiếp; trách nhiệm của các cơ quan (Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong việc tổ chức thực hiện; điều khoản thi hành.

#### **1. Quy định về xử lý chuyển tiếp (Điều 26)**

1.1 Quy định việc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm giao cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thực hiện việc rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có để lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch kèm theo hồ sơ (hồ sơ rà soát, kiểm tra, phân loại), trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt theo quy định tại Nghị định này.

#### **1.2. Nguyên tắc rà soát, phân loại**

a) *Thực hiện rà soát tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung:*

(1) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung đã được giao cho đối tượng quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính thì tiếp tục thực hiện việc giao quản lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

(2) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung đã giao cho đối tượng quản lý không đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC, Thông tư số 76/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính;

(3) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn đang tạm giao cho đối tượng quản lý;

(4) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao cho hình thức nhận nợ theo đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì tiếp tục thực hiện theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; sau khi hoàn thành việc hoàn trả số tiền đã nhận nợ với Nhà nước, doanh nghiệp thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

(5) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao theo hình thức nhận nợ cho các đối tượng không đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

*b) Thực hiện rà soát tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị:*

(1) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đã giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp thì tiếp tục thực hiện việc quản lý theo quy định của pháp luật doanh nghiệp.

(2) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đã giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước theo hình thức giao tài sản chưa tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

(3) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đang tạm giao cho đối tượng quản lý.

**1.3. Xử lý chuyển tiếp đối với TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung**

*a) Đối với TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung gồm: (i) TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung đã giao cho đối tượng quản lý không đúng quy định của pháp luật; TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung tạm giao cho đối tượng quản lý (tiết a (1), (2) điểm 1.2 nêu trên; (ii) giao theo hình thức nhận nợ cho các đối tượng không đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính tiết a (5) điểm 1,2 nêu trên) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thu hồi và giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.*

Về nguyên tắc, khi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực thi hành (01/01/2018), việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, trong đó có TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung phải thực hiện theo quy định của Luật; theo đó, việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung đang được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC, Thông tư số 76/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính cần được rà soát để đảm bảo các nội dung còn phù hợp với quy định của Luật. Do đó, đối với các vướng mắc của các địa phương tại điểm (i) (ii) nêu trên không được giải quyết cá biệt mà cần đưa vào xử lý chuyển tiếp tại Nghị định; theo đó, Bộ Tài chính đã có Công văn số 5161/BTC-QLCS ngày 28/4/2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đã được Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng thống nhất chỉ đạo tại Công văn số 5517/VPCP-NN ngày 08/7/2020 của Văn phòng Chính phủ: *“Đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản nêu trên, Bộ Tài chính nghiên cứu có văn bản hướng dẫn chung các địa phương (trong đó có tỉnh Hải Dương) quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung cho đến khi có Nghị định mới về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được ban hành và có hiệu lực thi hành để thực hiện đồng bộ, đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định và hiệu quả cho người dân, tránh thất thoát tài sản công, giảm thủ tục, văn bản hành chính”*.

Tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC, Thông tư số 76/2017/TT-BTC đã quy định việc giao công trình cho doanh nghiệp không phải 100% vốn nhà nước theo

phương thức nhận nợ (hoàn trả dần giá trị công trình), việc chuyển nhượng công trình theo phương thức đấu giá, chỉ định.

Do đó, với thẩm quyền của Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 13, khoản 4 Điều 75 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định xử lý tồn tại đối với các trường hợp TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung đã giao cho doanh nghiệp quản lý, tạm quản lý không đúng quy định hoặc chưa giao cho đối tượng quản lý tại điểm (i) nêu trên; mà doanh nghiệp đã đầu tư tăng thêm, hoặc tài sản là công trình, mạng lưới đường ống xen kẹt, liền kề (sau đây gọi là công trình xen kẹt) trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, thì trình UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định giao cho doanh nghiệp đang quản lý, tạm quản lý như sau:

- Trường hợp doanh nghiệp đã được giao tài sản là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì được lựa chọn giao theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo hoặc giao theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước;

- Trường hợp doanh nghiệp đã được giao tài sản mà không phải là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì thực hiện theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước;

- Trường hợp doanh nghiệp đã được giao, quản lý, vận hành công trình xen kẹt thì thực hiện việc giao tài sản cho doanh nghiệp đang quản lý theo quy định hai trường hợp nêu trên;

Đồng thời, các nội dung quy định về thẩm quyền; trình tự, thủ tục; xác định giá trị hoàn trả giá trị tài sản được thể hiện tại các khoản 7, 8, 9 Điều 26 dự thảo Nghị định.

*b)* TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao cho doanh nghiệp quản lý theo phương thức nhận nợ giá trị tài sản với Nhà nước;

*c)* Hợp đồng khai thác TSKCHT cấp nước sạch nông thôn (Hợp đồng giao khoán, Hợp đồng giao vận hành, Hợp đồng cho thuê quyền khai thác, Hợp đồng chuyển nhượng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung);

*d)* TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý (thanh lý, điều chuyển công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung).

#### **1.4. Xử lý chuyển tiếp đối với TSKCHT cấp nước sạch đô thị**

*a)* Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đã giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước theo hình thức giao tài sản chưa tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp (tiết b (2) điểm 1.2 nêu trên) được xử lý như sau: (i) Trường hợp doanh nghiệp đã được giao tài sản là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì được lựa chọn giao theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo hoặc giao theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước; (ii) trường hợp doanh nghiệp đã được giao tài sản mà không phải là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì thực hiện theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước.

*b)* Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đang tạm giao cho đối tượng quản lý (tiết b (3) điểm 1.2 nêu trên) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện



thu hồi và giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.

### 3. Về trách nhiệm thi hành (Điều 27)

Quy định trách nhiệm của các cơ quan (Bộ Tài chính, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) trong việc tổ chức thực hiện Nghị định.

### 4. Về hiệu lực thi hành (Điều 28).

## **D. ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG CỦA NGHỊ ĐỊNH**

Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản công là công trình cấp nước sạch giai đoạn trước Nghị định này được thực hiện: (i) theo quy định tại các Thông tư số 54/2013/TT-BTC, số 76/2017/TT của Bộ Tài chính, pháp luật chuyên ngành về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan (đối với công trình cấp nước nông thôn); (ii) theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật chuyên ngành về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan (đối với công trình cấp nước đô thị); nay quy định thống nhất theo Luật Quản lý, sử dụng tài sản công và Nghị định này trên cơ sở kế thừa quy định hiện hành còn phù hợp. Do đó, không làm phát sinh tăng nguồn nhân lực và chi phí để thực hiện Nghị định mà theo hướng đảm bảo việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo cơ chế thống nhất, hiệu quả hơn (Báo cáo đánh giá tác động – đính kèm).

## **E. Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH, ĐỊA PHƯƠNG**

Tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành, địa phương lần 1, lần 2 Tổng hợp ý kiến tham gia của các Bộ, ngành lần 2 (41/63 địa phương; 18/22 Bộ, ngành), trong đó 29 ý kiến tham gia thống nhất với dự thảo Nghị định; 30 ý kiến tham gia (*Phụ lục đính kèm*); Bộ Tài chính tổng hợp tiếp thu, giải trình một số ý kiến như sau:

1. Về ý kiến tham gia đề nghị bổ sung việc giao TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung (*quy định tại khoản 2 Điều 5, Điều 7*), TSKCHT cấp nước sạch đô thị (*quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 29*) cho doanh nghiệp có vốn nhà nước có chức năng kinh doanh nước sạch (thay vì chỉ giao cho doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch) theo hình thức tăng vốn nhà nước cho doanh nghiệp đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 4 Điều 75 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

*Về ý kiến tham gia này, Bộ Tài chính trình Chính phủ như sau:*

Tiếp thu ý kiến tham gia này, để đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 11 Điều 4, Điều 111 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021) “Doanh nghiệp nhà nước gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 của Luật này”, “Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó: vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần”; theo đó công ty cổ phần có vốn nhà nước là doanh nghiệp có vốn nhà nước trong vốn điều lệ của doanh nghiệp. Đồng thời, đồng bộ với đối tượng được giao tài sản là

“doanh nghiệp” quy định tại khoản 4 Điều 75 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; trên cơ sở đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định việc giao TSKCHT cấp nước sạch (*quy định tại khoản điểm b khoản 2 Điều 5, Điều 6*) cho doanh nghiệp có vốn nhà nước theo hình thức tăng vốn nhà nước tại Doanh nghiệp (*báo cáo cụ thể tại điểm 1, a (2) Mục II, phần D Tờ trình này*).

2. Về ý kiến tham gia (*Điều 5, Điều 9 dự thảo Nghị định*): đối với công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung có tính đặc thù là công trình, mạng lưới đường ống xen kẹt, liền kề cần phải đấu nối với hệ thống đường công trình, mạng cấp nước sạch hiện có đang do doanh nghiệp quản lý, vận hành và khai thác; do đó, cần thiết thực hiện bán chỉ định cho doanh nghiệp này để quản lý, vận hành có hiệu quả hơn.

*Về ý kiến tham gia này, Bộ Tài chính trình Chính phủ như sau:*

Quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện bán tài sản công, trong đó có TSKCHT theo hình thức bán đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản; do đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ giữ nguyên như dự thảo.

3. Về ý kiến tham gia: Đề nghị bỏ việc giao TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung cho đối tượng là Ủy ban nhân dân cấp xã do cấp xã không có cán bộ có chuyên môn, việc quản lý không hiệu quả; bổ sung việc giao TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung cho Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý hoặc UBND cấp tỉnh được phép ủy quyền, phân cấp cho Ủy ban nhân dân cấp huyện cho đồng bộ với các hạ tầng kỹ thuật khác.

*Về ý kiến tham gia này, Bộ Tài chính trình Chính phủ như sau:*

Kế thừa quy định tại các Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013, số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính và phù hợp với thực tế việc quản lý TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung hiện nay, số lượng công trình giao cho UBND cấp xã rất lớn. Đồng thời bổ sung: (1) điều kiện giao tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện trong trường hợp được ngân sách Nhà nước cấp huyện đảm bảo kinh phí để thực hiện việc bảo trì tài sản theo quy định. (2) Việc giám sát của cơ quan cấp trên (Ủy ban nhân dân cấp huyện) để giảm bớt khâu trung gian, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả pháp lý phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.

4. Về ý kiến tham gia: Quy định tại điều khoản chuyển tiếp (khoản 6, khoản 7 Điều 29 dự thảo xin ý kiến quy định việc bán chỉ định TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung trong trường hợp đã giao cho doanh nghiệp không đúng quy định mà doanh nghiệp đã đầu tư tăng thêm. Tuy nhiên, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công không có quy định việc bán chỉ định TSKCHT. Do đó, quy định này không phù hợp với Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

*Về ý kiến tham gia này, Bộ Tài chính trình Chính phủ như sau:*

Quy định tại dự thảo Nghị định nêu trên là xử lý tồn tại việc đã giao cho doanh nghiệp không đúng quy định tại các Thông tư số 54/2013/TT-BTC, Thông tư số 76/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính; nội dung này, Bộ Tài chính đã giải trình tại điểm 1 Mục IV, Phần D Tờ trình này là xử lý tồn tại theo hướng quy

định việc giao có hoàn trả giá trị tài sản thay cho phương thức bán chỉ định tại các khoản 7, 8, 9 Điều 29 dự thảo Nghị định.

5. Về ý kiến tham gia: bổ sung xử lý chuyển tiếp đối với TSKCHT cấp nước sạch đô thị

*Về ý kiến tham gia này, Bộ Tài chính trình Chính phủ như sau:* Bộ Tài chính tiếp thu bổ sung xử lý nêu tại điểm 1 (1.4) Mục III Phần D Tờ trình này, cụ thể tại khoản 4, khoản 10 Điều 26 dự thảo Nghị định đối với trường hợp TSKCHT cấp nước sạch đô thị đã giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước theo hình thức giao tài sản chưa tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp, TSKCHT cấp nước sạch đô thị đang tạm giao cho đối tượng quản lý

Các ý kiến khác về thể thức văn bản, câu chữ đã được Bộ Tài chính tiếp thu thể hiện tại dự thảo Nghị định.

#### **G. Ý KIẾN THẨM ĐỊNH CỦA BỘ TƯ PHÁP**

Trên đây là nội dung của Nghị định của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (*đính kèm*).

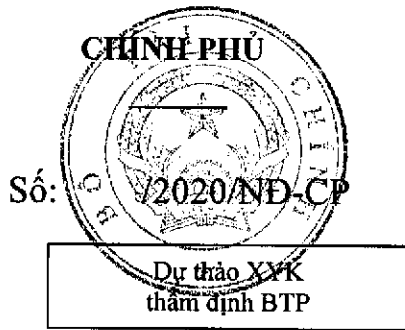
Kính trình Chính phủ xem xét, quyết định./.

#### **Nơi nhận:**

- Như trên;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Tư pháp;
- Lưu: VT, Bộ Tài chính.

**BỘ TRƯỞNG**

**Đinh Tiến Dũng**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng năm 2020

## NGHỊ ĐỊNH

### Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

*Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 21 tháng 6 năm 2017;*

*Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;*

*Chính phủ ban hành Nghị định quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.*

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý, bao gồm:

- a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung;
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị.

2. Nghị định này không điều chỉnh đối với:

- a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không do Nhà nước đầu tư, quản lý;
- b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tại các khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao (bao gồm cả khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trong khu kinh tế);
- c) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nhỏ lẻ, bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước cho một hoặc một vài hộ gia đình sử dụng nước như: công trình thu và chứa nước hộ gia đình, giếng thu nước ngầm tầng (giếng đào, giếng mạch lộ), giếng khoan đường kính nhỏ.

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.
2. Đơn vị sự nghiệp công lập.
3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).
4. Doanh nghiệp.

5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

### **Điều 3. Giải thích từ ngữ**

Trong Nghị định này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (bao gồm cả đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng cấp nước sạch) gồm: công trình khai thác nước, công trình xử lý nước, mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch và các công trình phụ trợ có liên quan.

2. Công trình phụ trợ có liên quan là các công trình hỗ trợ cho việc quản lý, vận hành, bảo dưỡng, sửa chữa đối với hệ thống cấp nước như: nhà hành chính, nhà quản lý, điều hành, nhà xưởng, kho bãi vật tư, thiết bị, sân, đường, tường rào, trạm biến áp, các loại hồ van, hộp đồng hồ, hòng cứu hỏa.

3. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý bao gồm: tài sản được đầu tư toàn bộ hoặc một phần từ ngân sách nhà nước; tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật; tài sản được chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư bàn giao sau đầu tư cho nhà nước theo quy định của pháp luật.

4. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch ở trung ương là Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.

b) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch ở địa phương là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh, gồm: Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Xây dựng.

5. “Tự vận hành, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch” là việc đơn vị được giao quản lý tài sản trực tiếp thực hiện toàn bộ hoặc giao khoán cho tổ chức, cá nhân khác thực hiện một số công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản.

6. “Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch” là việc Nhà nước chuyển giao quyền khai thác tài sản cho tổ chức, cá nhân để sản xuất, kinh doanh nước sạch trong một thời hạn nhất định theo Hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

7. “Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch” là việc Nhà nước chuyển giao quyền khai thác tài sản hiện có gắn với việc đầu tư nâng cấp, mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có theo dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt cho tổ chức, cá nhân để sản xuất, kinh doanh nước sạch trong một thời hạn nhất định theo Hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.

8. “Bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch” là việc Nhà nước chuyển giao quyền sở hữu kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên đất (không bao gồm quyền sử dụng đất) cho các tổ chức để quản lý, sử dụng và khai thác vào mục đích sản xuất, kinh doanh nước sạch để nhận một khoản tiền tương ứng. Tổ chức mua tài sản không được thay đổi công năng của tài sản.

#### **Điều 4. Nguyên tắc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Mọi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý đều được Nhà nước giao cho đối tượng quản lý, sử dụng và khai thác theo quy định của pháp luật.

Việc giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho đối tượng quản lý phải căn cứ vào điều kiện cụ thể về quy mô công trình, công nghệ cấp nước, xử lý nước, đặc điểm kinh tế xã hội của từng địa phương và các điều kiện khác quy định tại Nghị định này.

Việc thuê đất, thu tiền thuê đất, miễn, giảm tiền thuê đất và quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định việc giao trách nhiệm quản lý nhà nước đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch) đảm bảo thống nhất, phân cấp rõ thẩm quyền, trách nhiệm của từng cơ quan và trách nhiệm phối hợp giữa các cơ quan, phù hợp với quy mô tài sản và đặc điểm kinh tế xã hội của địa phương.

3. Nhà nước khuyến khích thực hiện xã hội hóa nhằm đa dạng hóa nguồn lực để duy trì, phát triển, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

4. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thống kê, kê toán đầy đủ về hiện vật và giá trị; được thực hiện chế độ hao mòn, bảo trì tài sản theo quy định của pháp luật.

5. Việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải bảo đảm công khai, minh bạch; được giám sát, thanh tra, kiểm tra, kiểm toán; mọi hành vi vi phạm pháp luật về quản lý, sử dụng và khai thác phải được xử lý kịp thời, nghiêm minh theo quy định của pháp luật.

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không còn khả năng cấp nước, không phù hợp với quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt thì việc thu hồi đất gắn với tài sản theo quy định của pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan.

## **Chương II**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG VÀ KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

#### **Mục 1**

#### **GIAO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

**Điều 5. Đối tượng và hình thức giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn gồm:

- a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch;
- b) Ủy ban nhân dân cấp xã;

c) Doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước (sau đây gọi là doanh nghiệp có vốn nhà nước) có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch;

d) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

2. Đối tượng được giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị gồm:

a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch;

b) Doanh nghiệp có vốn nhà nước có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch;

c) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

3. Hình thức giao

a) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo hình thức ghi tăng tài sản cho cơ quan, đơn vị quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều này;

b) Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo hình thức tăng vốn nhà nước cho doanh nghiệp có vốn nhà nước quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều này để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.

c) Giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để lập phương án khai thác trong các trường hợp sau:

- Bán tài sản theo hình thức đấu giá cho các tổ chức để quản lý, sử dụng và khai thác tài sản vào mục đích sản xuất, kinh doanh nước sạch trong trường hợp không thực hiện được việc giao tài sản cho các đối tượng quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

- Cho thuê quyền khai thác hoặc chuyên nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp tài sản đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nhưng thực tế việc quản lý, sử dụng và khai thác không đạt hiệu quả để tiếp tục khai thác theo phương thức quy định tại Điều 14, Điều 15 Nghị định này.

**Điều 6. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp có vốn nhà nước**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho đơn vị sự nghiệp công lập, Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị), doanh nghiệp có vốn nhà nước quy định tại điểm a, điểm b, điểm c khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được đầu tư xây dựng, mua sắm mới); cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản từ Chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư; đơn vị chủ trì xử lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác lập quyền sở hữu toàn dân) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

- Danh mục tài sản đề nghị giao (chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, giá trị, tình trạng hoạt động): 01 bản chính;

- Biên bản nghiệm thu đưa tài sản vào sử dụng (đối với tài sản được đầu tư

xây dựng, mua sắm mới; tài sản tiếp nhận từ Chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư): 01 bản chính;

- Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân (đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân): 01 bản chính;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản và hồ sơ kèm theo gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

- Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án giao tài sản cho đối tượng quản lý; trong đó xác định cụ thể đối tượng giao, hình thức giao, lý do giao; danh mục tài sản đề nghị giao (chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, giá trị, tình trạng hoạt động): 01 bản chính;

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp dự kiến được giao tài sản: 01 bản chính;

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định việc tiếp nhận tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp (đối với trường hợp đối tượng dự kiến được giao tài sản là doanh nghiệp có vốn nhà nước): 01 bản chính;

- Ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý cấp trên (đối với trường hợp đối tượng dự kiến được giao tài sản là cơ quan, đơn vị) - nếu có: 01 bản chính;

- Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: bản sao;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về phương án giao tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch hoàn thiện phương án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị kèm theo phương án giao tài sản cho đối tượng quản lý; trong đó xác định cụ thể đối tượng giao, hình thức giao, lý do giao; danh mục tài sản đề nghị giao (chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, giá trị, tình trạng hoạt động): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

- Các hồ sơ nêu tại điểm b khoản này: bản sao;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

đ. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao tài sản không phù hợp.

e. Quyết định giao tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao tài sản;

- Hình thức giao tài sản (ghi tăng tài sản/tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp);



- Danh mục tài sản giao (chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, giá trị, tình trạng hoạt động)

- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

3. Căn cứ Quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp và bên giao, bên nhận tài sản tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản.

4. Sau khi tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Cơ quan, đơn vị được giao tài sản có trách nhiệm hạch toán tăng tài sản, thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

b) Doanh nghiệp được giao tài sản có trách nhiệm báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện thủ tục tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp; thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan; thực hiện chế độ báo cáo cơ quan, người có thẩm quyền theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

c) Việc quản lý, sử dụng đất gắn với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

**Điều 7. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và phê duyệt phương án khai thác tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch**

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và phê duyệt phương án khai thác tài sản giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm d khoản 1, điểm c khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Trình tự, thủ tục giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản theo phương thức cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

a) Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị giao lại tài sản cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để thực hiện khai thác. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị giao lại tài sản, trong đó nêu rõ lý do giao lại tài sản kèm theo Danh mục tài sản (chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, giá trị, tình trạng hoạt động): 01 bản chính;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm hồ sơ gửi lấy ý kiến cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

- Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án giao và khai thác tài sản (theo Mẫu số 1B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

- Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: bản sao;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về giao và khai thác tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch hoàn thiện phương án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị kèm theo phương án khai thác tài sản (theo Mẫu số 1B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

- Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: bản sao;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao và khai thác tài sản không phù hợp.

e) Quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên cơ quan đề nghị giao lại tài sản;

- Tên cơ quan được giao, khai thác tài sản;

- Hình thức khai thác tài sản (cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản);

- Danh mục tài sản (chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, giá trị, tình trạng hoạt động);

- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

g) Căn cứ Quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc khai thác tài sản (cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8, 9 Điều 14 với thời hạn cho thuê quy định tại khoản 1 Điều 14/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại các khoản 5, 6, 7, 8, 9 Điều 15 với thời hạn chuyển nhượng quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định này).

h) Sau khi lựa chọn được tổ chức thực hiện phương án khai thác tài sản quy định tại khoản 5 Điều 14, khoản 5 Điều 15 Nghị định này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản từ Ủy ban nhân dân cấp xã để thực hiện các công việc quy định tại các khoản 6, 7, 8, 9 Điều 14; các khoản 6, 7, 8, 9 Điều 15 Nghị định này.

i) Trong thời gian từ ngày cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt phương án giao và khai thác tài sản đến ngày thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản quy định tại điểm h khoản này, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng

tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

3. Trình tự, thủ tục giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản theo phương thức bán.

a) Chủ đầu tư dự án (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được đầu tư xây dựng, mua sắm mới); cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tiếp nhận tài sản từ Chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư; đơn vị chủ trì xử lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác lập quyền sở hữu toàn dân) có văn bản kèm theo hồ sơ về tài sản gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

Thành phần hồ sơ thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 6 Nghị định này.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm hồ sơ gửi lấy ý kiến cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan. Hồ sơ gửi lấy ý kiến gồm:

- Văn bản lấy ý kiến kèm theo dự thảo phương án giao và khai thác tài sản (theo Mẫu số 1A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này): 01 bản chính;

- Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: bản sao;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về phương án giao tài sản và khai thác tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch hoàn thiện phương án, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị kèm theo phương án giao và khai thác tài sản; trong đó xác định cụ thể danh mục tài sản giao, xử lý (chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, giá trị, tình trạng hoạt động); hình thức xử lý (bán đấu giá): 01 bản chính;

- Ý kiến của các cơ quan có liên quan: bản sao;

- Các hồ sơ nêu tại điểm a khoản này: bản sao;

- Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): 01 bản sao.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị giao và khai thác tài sản không phù hợp.

e) Quyết định giao và phê duyệt phương án khai thác tài sản gồm các nội dung chủ yếu sau:

- Tên cơ quan được giao tài sản;

- Hình thức khai thác tài sản (bán đấu giá);

- Danh mục tài sản giao (chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, giá trị, tình trạng hoạt động)

- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

g) Căn cứ Quyết định giao và phê duyệt phương khai thác lý tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với bên giao, cơ quan tài chính cùng cấp để thực hiện việc bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản.

h) Sau khi tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm phối hợp với các cơ quan có liên quan thực hiện việc bán đấu giá tài sản theo quy định tại Điều 8 Nghị định này

Trong thời gian triển khai phương án khai thác (bán đấu giá) tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm thực hiện việc quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

### **Điều 8. Bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Việc bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo hình thức đấu giá theo quy định của pháp luật.

Tổ chức mua tài sản, thực hiện quản lý, sử dụng vào mục đích sản xuất, kinh doanh nước sạch (không thay đổi công năng sử dụng của tài sản) theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

2. Xác định giá khởi điểm để bán đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

a) Giá khởi điểm để đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải đảm bảo phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương; không thấp hơn giá trị đánh giá lại tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản theo quy định của pháp luật (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất); không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định khởi điểm, gửi Sở Tài chính thẩm định; trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt giá khởi điểm để bán đấu giá tài sản.

4. Tổ chức tham gia đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch; có khả năng tài chính; có năng lực quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước sạch.

5. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm thuê tổ chức đấu giá để bán đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. Việc lựa chọn tổ chức đấu giá tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật.

Trình tự, thủ tục bán đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về bán đấu giá tài sản. Ưu tiên đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch qua Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công. Thông tin về việc đấu giá được niêm yết, thông báo công khai theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản và đăng tải trên Hệ thống giao dịch điện tử về tài sản công hoặc Trang thông tin điện tử về tài sản công.

6. Tổ chức trúng đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có trách

nhiệm thanh toán tiền mua tài sản trong thời hạn 180 ngày cho cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước sạch theo tiến độ 02 lần trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản; trong đó, lần 1 thanh toán tối thiểu 50% giá trị hợp đồng trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản, lần 2 thanh toán số tiền còn lại trong thời hạn thanh toán theo quy định. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền trúng đấu giá vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do Sở Tài chính làm chủ tài khoản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.

Trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định nêu trên (được quy định tại Hợp đồng mua bán tài sản) mà tổ chức trúng đấu giá tài sản chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ tiền mua tài sản thì phải nộp khoản tiền chậm nộp; mức tiền chậm nộp áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng mua bán tài sản và chứng từ về việc nộp tiền của tổ chức, cá nhân mua tài sản gửi Cục thuế để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Số tiền chậm nộp (nếu có) thuộc nguồn thu của ngân sách địa phương.

7. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho tổ chức mua tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công sau khi tổ chức mua tài sản hoàn thành việc thanh toán và thực hiện bàn giao tài sản tại nơi có tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành biên bản.

8. Thời hạn thanh toán tiền mua tài sản; thời hạn bàn giao tài sản; trách nhiệm của các bên trong việc vi phạm Hợp đồng mua bán; hủy hợp đồng mua bán, thu hồi tài sản phải được quy định trong Quy chế bán đấu giá tài sản, Hợp đồng mua bán tài sản.

Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định tại khoản 6 Điều này, thực hiện thu hồi tài sản và không hoàn trả số tiền đã thanh toán cho tổ chức mua tài sản.

9. Xử lý trong trường hợp đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không thành:

- a) Tổ chức đấu giá lại đối với trường hợp đấu giá lần đầu không thành.
- b) Trường hợp sau 02 lần tổ chức đấu giá không thành, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để thực hiện việc thay đổi phương án bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại khoản 10 Điều này.

10. Thủ tục thay đổi phương án bán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày xác định được việc đấu giá không thành, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị hủy bỏ quyết định bán đấu giá của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (trong đó nêu rõ lý do bán đấu giá không thành và mô tả đầy đủ quá trình tổ chức đấu giá): 01 bản chính;

- Quyết định bán đấu giá tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh: 01 bản sao;
- Biên bản bán đấu giá tài sản (nếu có) và các hồ sơ liên quan đến quá trình tổ chức đấu giá tài sản: 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản hoặc có văn bản yêu cầu tổ chức đấu giá lại.

Trường hợp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành Quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch lập hồ sơ đề nghị cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện giao tài sản theo quy định Điều 5 Nghị định này.

11. Số tiền thu được từ bán đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

## **Mục 2**

### **HỒ SƠ QUẢN LÝ, KẾ TOÁN TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

#### **Điều 9. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Hồ sơ quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Hồ sơ liên quan đến việc hình thành, biến động tài sản:

- Quyết định giao, điều chuyển tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền; biên bản giao nhận tài sản;

- Hồ sơ pháp lý về đất (Quyết định giao đất, cho thuê đất; Hợp đồng thuê đất; Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất);

- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan.

b) Báo cáo kê khai (Mẫu số 2 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này);

c) Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản (Mẫu số 3 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này) theo quy định tại Điều 24 Nghị định này;

c) Thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Điều 25 Nghị định này.

2. Cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch chịu trách nhiệm lập hồ sơ, quản lý, lưu trữ hồ sơ về tài sản theo quy định của pháp luật; thực hiện chế độ báo cáo theo quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 10. Kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có kết cấu độc lập hoặc một hệ thống gồm nhiều bộ phận tài sản riêng lẻ liên kết với nhau để cùng thực hiện một hay một số chức năng nhất định là một đối tượng ghi sổ kế toán.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là một hệ thống được giao cho nhiều cơ quan, đơn vị quản lý thì đối tượng ghi sổ kế toán là phần tài sản được giao cho từng cơ quan, đơn vị phù hợp với nguyên tắc nêu trên.

2. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

có trách nhiệm:

a) Mở sổ và thực hiện kế toán tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán và quy định tại Nghị định này;

b) Thực hiện báo cáo tình hình tăng, giảm, tính hao mòn tài sản hàng năm theo quy định của pháp luật.

### 3. Nguyên tắc ghi sổ kế toán:

a) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà đã có thông tin giá trị trên sổ kế toán thì sử dụng thông tin giá trị đã có để ghi sổ kế toán;

b) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch sử dụng trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa được theo dõi, ghi sổ kế toán thì sử dụng giá trị theo đánh giá lại thực tế; hoặc giá trị đầu tư của công trình có cấp, hạng, quy mô công suất tương đương, sau khi đã trừ đi giá trị của thời gian đã sử dụng để ghi sổ kế toán;

c) Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được mua sắm, đầu tư xây dựng, hoàn thành đưa vào sử dụng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì giá trị ghi sổ kế toán là giá trị mua sắm, quyết toán theo quy định.

Trường hợp tài sản được đầu tư xây dựng mới, hoàn thành đưa vào sử dụng nhưng chưa được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt quyết toán thì sử dụng nguyên giá tạm tính để ghi sổ kế toán; trong đó, nguyên giá tạm tính xác định theo thứ tự ưu tiên sau: giá trị đề nghị quyết toán; giá trị xác định theo Biên bản nghiệm thu A-B; giá trị dự toán của dự án đã được phê duyệt. Khi có quyết toán được phê duyệt, kế toán thực hiện điều chỉnh giá trị đã ghi sổ theo quy định của pháp luật về kế toán;

d) Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong quá trình quản lý, sử dụng được sửa chữa nâng cấp, mở rộng theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt thì khi quyết toán dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt, kế toán thực hiện ghi tăng giá trị tài sản đối với giá trị quyết toán được phê duyệt.

## Mục 3

### BẢO TRÌ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

#### Điều 11. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải được bảo trì theo trình tự, quy trình, kế hoạch và tiêu chuẩn, định mức nhằm duy trì tình trạng kỹ thuật của tài sản, bảo đảm hoạt động bình thường và an toàn khi sử dụng, khai thác.

2. Chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác định bằng một trong các phương pháp sau:

a) Xác định theo định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung), theo định mức kinh tế - kỹ thuật do Bộ Xây dựng quy định (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị) hoặc theo định mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cụ thể phù hợp với đặc điểm kỹ thuật của công trình và tình hình thực tế tại địa phương;

b) Xác định trên cơ sở chi phí bình quân của hoạt động bảo trì công trình 3 năm liền kề trước đó cộng với yếu tố trượt giá (nếu có);

c) Kết hợp hai phương pháp quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

3. Chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nước sạch của đơn vị cấp nước trong kỳ.

4. Kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được bố trí từ ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước và nguồn kinh phí khác theo quy định của pháp luật như sau:

a) Đối với tài sản được giao cho đơn vị sự nghiệp quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm bố trí kinh phí bảo trì theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

b) Đối với tài sản được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này thì giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí kinh phí bảo trì theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Đối với tài sản trong thời gian cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản mà tổ chức, cá nhân thuê quyền khai thác, nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác có nghĩa vụ thực hiện việc bảo trì theo Hợp đồng ký kết.

Việc bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại điểm này do tổ chức, cá nhân được thuê quyền khai thác hoặc được nhận chuyển nhượng quyền khai thác thực hiện theo quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

5. Đối với tài sản giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước quy định tại điểm c khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này thì việc bảo trì tài sản thực hiện theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

## **Điều 12. Tổ chức thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước:

a) Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, định mức, đơn giá bảo trì và khối lượng công việc cần thực hiện; cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao quản lý tài sản lập kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì tài sản (trừ trường hợp bảo trì tài sản tại khoản 5 Điều 11 Nghị định này), báo cáo cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, tổng hợp vào dự toán ngân sách nhà nước hàng năm theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước.

b) Trên cơ sở Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước của cơ quan, người có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao dự toán ngân sách nhà nước về công tác bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao quản lý tài sản.

c) Cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tổ chức thực hiện dự toán ngân sách nhà



nước về công tác bảo trì tài sản theo quy định của pháp luật.

2. Trình tự, thủ tục lập, phê duyệt kế hoạch và dự toán kinh phí bảo trì tài sản trung hạn 3 năm và 5 năm thực hiện theo quy định của pháp luật về kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước 03 năm và kế hoạch tài chính 05 năm.

3. Việc lựa chọn đơn vị thực hiện bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định pháp luật về đấu thầu và pháp luật có liên quan; trừ trường hợp Nhà nước đặt hàng, giao nhiệm vụ theo quy định của Chính phủ về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc giao việc bảo trì cho nhà thầu thi công theo quy định của pháp luật.

4. Việc thanh toán, quyết toán kinh phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định của pháp luật ngân sách nhà nước và pháp luật có liên quan.

#### Mục 4

### KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

**Điều 13. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch tự tổ chức vận hành, khai thác tài sản**

1. Căn cứ chức năng nhiệm vụ, thực tế vận hành tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản trực tiếp thực hiện toàn bộ công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản.

b) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện giao khoán một hoặc một số công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản sau đây cho tổ chức, đơn vị, cá nhân:

- Vận hành tài sản;
- Bảo trì tài sản;
- Thu tiền nước;
- Các công việc khác có liên quan đến vận hành, khai thác tài sản.

Quy định giao khoán một hoặc một số công việc của quá trình vận hành, khai thác tài sản tại điểm này không áp dụng đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị.

2. Việc giao khoán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại điểm b khoản 1 Điều này thực hiện như sau:

a) Người đứng đầu cơ quan, đơn vị quyết định thực hiện việc giao khoán, đơn giá giao khoán vận hành một số công việc trong quá trình vận hành, khai thác tài sản quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

b) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản có trách nhiệm:

- Lựa chọn tổ chức, đơn vị, cá nhân nhận khoán, đảm bảo chất lượng và hiệu quả theo quy định của pháp luật đấu thầu;
- Ký Hợp đồng giao khoán theo quy định của pháp luật;
- Kiểm tra, giám sát việc thực hiện Hợp đồng và nghiệm thu, thanh toán kinh phí khoán theo Hợp đồng đã ký kết.

## **Điều 14. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch áp dụng đối với tài sản giao cho đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Hợp đồng cho thuê nhưng tối đa không quá thời gian sử dụng còn lại của tài sản theo quy định của pháp luật; trường hợp việc cho thuê quyền khai thác có nhiều tài sản với thời gian sử dụng còn lại khác nhau thì thời hạn cho thuê quyền khai thác không quá thời hạn sử dụng còn lại của tài sản có thời hạn còn lại nhiều nhất.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

3. Trình tự, thủ tục cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này như sau:

a) Đơn vị được giao quản lý tài sản lập phương án cho thuê quyền khai thác tài sản gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;
- Phương án cho thuê quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 1B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;
- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo hồ sơ gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về phương án cho thuê quyền khai thác tài sản.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chỉ đạo đơn vị được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ; có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ đã hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án cho thuê quyền khai thác tài sản không phù hợp.

5. Căn cứ phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, đơn vị được giao quản lý tài sản lựa chọn tổ chức thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá và ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật và Nghị định này. Tổ chức tham gia đấu giá có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch, có năng lực quản lý, vận hành công trình.

Việc tổ chức thực hiện việc cho thuê quyền khai thác tài sản như sau:

a) Xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

b) Tổ chức đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá.

c) Ký Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

6. Hợp đồng cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của bên cho thuê;

b) Thông tin của bên thuê;

c) Danh mục tài sản;

d) Thời hạn cho thuê; giá cho thuê; phương thức và thời hạn thanh toán tiền thuê, tiền chậm nộp (nếu có); trách nhiệm bảo trì tài sản;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên;

e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Quyền của bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Trực tiếp tổ chức vận hành, khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết;

b) Quyết định phương thức vận hành, khai thác tài sản đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch;

c) Được thu tiền kinh doanh nước sạch và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

d) Thực hiện các quyền khác của bên thuê quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

8. Nghĩa vụ của bên thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Bảo quản tài sản thuê (bao gồm cả đất gắn với tài sản); không để thất thoát, lấn chiếm và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng, khai thác tài sản thuê đúng mục đích; không được chuyển nhượng, bán, tặng cho, thế chấp, góp vốn;

c) Thực hiện bảo trì tài sản đúng yêu cầu kỹ thuật và các quy định khác theo Hợp đồng đã ký kết; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (nếu có);

d) Thanh toán tiền thuê quyền khai thác tài sản đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng;

đ) Định kỳ hoặc đột xuất thông báo với bên cho thuê về tình trạng của tài sản, đảm bảo hoạt động cung cấp nước sạch liên tục, ổn định;

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của bên cho thuê; cùng bên cho thuê giải quyết phát sinh, vướng mắc;

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng.

9. Số tiền thu được từ cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

## **Điều 15. Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch áp dụng đối với tài sản giao cho đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

Thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn nhưng tối đa không quá 20 năm.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

3. Việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện thông qua hình thức đấu giá. Tiêu chí lựa chọn tổ chức tham gia đấu giá gồm:

a) Có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch, có năng lực quản lý, vận hành công trình;

b) Năng lực về tài chính để thực hiện dự án theo quy định của pháp luật về đầu tư.

4. Trình tự, thủ tục chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quy định tại điểm a khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này như sau:

a) Đơn vị được giao quản lý tài sản lập phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị của đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

- Phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo Mẫu số 1B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

- Các hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch; cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chỉ đạo đơn vị được giao quản lý tài sản tiếp thu, chỉnh lý, hoàn thiện hồ sơ; có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ đã hoàn thiện, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định phê duyệt phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản không phù hợp.

5. Căn cứ phương án chuyển nhượng có thời hạn tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt; cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, đơn vị được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện việc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản như sau:

a) Xác định giá khởi điểm chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định tại Điều 16 Nghị định này.

b) Tổ chức đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về đấu giá.

c) Ký Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản theo quy định của pháp luật.

6. Hợp đồng chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm các nội dung chủ yếu sau:

a) Thông tin của bên chuyển nhượng;

b) Thông tin của bên nhận chuyển nhượng;

c) Danh mục tài sản được chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác;

d) Thời hạn chuyển nhượng; giá chuyển nhượng; phương thức và thời hạn thanh toán tiền nhận chuyển nhượng, tiền chậm nộp (nếu có); hạng mục công trình đầu tư, nâng cấp theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt; trách nhiệm bảo trì và các nội dung cần thiết khác;

đ) Quyền và nghĩa vụ của các bên.

e) Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

7. Quyền của bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Trực tiếp tổ chức vận hành, khai thác tài sản theo đúng quy định của pháp luật và Hợp đồng đã ký kết;

b) Quyết định phương thức vận hành, khai thác tài sản đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch;

c) Được thu tiền kinh doanh nước sạch và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) theo quy định của pháp luật và Hợp đồng ký kết.

d) Thực hiện các quyền khác theo quy định của pháp luật.

8. Nghĩa vụ của bên nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Bảo quản tài sản (bao gồm cả đất gắn với tài sản); không để bị lấn chiếm và các hành vi vi phạm khác theo quy định của pháp luật;

b) Sử dụng, khai thác tài sản đúng mục đích; không được chuyển nhượng, bán, tặng cho, thế chấp, góp vốn;

c) Thực hiện bảo trì tài sản đúng yêu cầu kỹ thuật và các quy định khác theo Hợp đồng đã ký kết; thực hiện nghĩa vụ với ngân sách nhà nước (nếu có);

d) Thanh toán tiền nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Hợp đồng;

đ) Định kỳ hoặc đột xuất thông báo với cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển nhượng về tình trạng của tài sản, đảm bảo hoạt động cung cấp nước sạch liên tục, ổn định;

e) Chịu sự kiểm tra, giám sát của cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển nhượng; cùng cơ quan, đơn vị có tài sản chuyển nhượng giải quyết phát sinh, vướng mắc;

g) Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Hợp đồng.

9. Số tiền thu được từ chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được quản lý, sử dụng theo quy định tại Điều 22 Nghị định này.

**Điều 16. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Giá cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là khoản tiền tổ chức, cá nhân thuê quyền khai thác hoặc nhận chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải trả cho Nhà nước để được sử dụng tài sản theo Hợp đồng ký kết.

2. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

a) Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định trên cơ sở:

- Căn cứ tiêu chí số thu tiền nước của năm trước liền kề trước khi thực hiện cho thuê quyền khai thác, mức tăng trưởng của số hộ dân dùng nước hàng năm và các chi phí khác có liên quan.

Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được đầu tư, xây dựng mới, thời gian đưa vào khai thác sử dụng chưa đủ để hạch toán theo năm tài chính (tròn 12 tháng) thì giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác được xác định căn cứ theo tiêu chí mục tiêu kế hoạch, quy mô phục vụ cấp nước theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

- Giá cho thuê trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng tại thời điểm cho thuê.

b) Giá khởi điểm để đấu giá chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản được xác định trên cơ sở giá trị còn lại tại thời điểm chuyển nhượng theo kết quả đánh giá lại, thời gian sử dụng còn lại của tài sản, mức tăng trưởng số hộ dân dùng nước hàng năm, giá trị đầu tư bổ sung, doanh thu và chi phí ước tính từ việc khai thác tài sản trong thời hạn chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác.

3. Việc tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm và thẩm quyền quyết định giá khởi điểm để đấu giá cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch như sau:

Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này gửi Sở Tài chính thẩm định; trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.

## Mục 5

### XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH

### **Điều 17. Hình thức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

Việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã giao cho các đối tượng quản lý quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này thực hiện theo các hình thức sau:

1. Thu hồi;
2. Điều chuyển;
3. Thanh lý;
4. Xử lý trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại;
5. Hình thức xử lý khác theo quy định của pháp luật.

### **Điều 18. Thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:

- a) Khi có sự thay đổi về quy hoạch, phân cấp quản lý;
- b) Tài sản được giao không đúng đối tượng; sử dụng sai mục đích; cho mượn tài sản;
- c) Bán, cho thuê, tặng cho, thế chấp, góp vốn, liên doanh, liên kết không đúng quy định;
- d) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả và không bền vững theo đánh giá của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;
- đ) Tài sản bán đấu giá theo Điều 8 Nghị định này nhưng quá thời hạn thanh toán phải thu hồi theo quy định tại Nghị định này;
- e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định thu hồi tài sản thuộc phạm vi địa phương quản lý.

3. Tài sản thu hồi được xử lý như sau:

- a) Giao quản lý theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;
- b) Điều chuyển theo quy định tại Điều 19 Nghị định này;

4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thu hồi tài sản, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) để tổng hợp, báo cáo cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;
- Danh mục tài sản đề nghị thu hồi theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;
- Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) tổng hợp, có ý kiến bằng văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a

khoản này (đối với các trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này (đối với các trường hợp có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan về việc thu hồi tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về đề nghị thu hồi tài sản với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

đ) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản đề nghị (kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan) và hồ sơ, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thu hồi tài sản không phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định gồm:

- Tên cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản bị thu hồi;
- Danh mục tài sản thu hồi (tên tài sản; số lượng; công suất, nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán); lý do thu hồi;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

g) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định thu hồi tài sản của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh; cơ quan, đơn vị có tài sản bị thu hồi thực hiện bàn giao tài sản cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này. Trong thời gian chờ xử lý, cơ quan, đơn vị có tài sản bị thu hồi có trách nhiệm bảo quản, bảo vệ tài sản theo quy định của pháp luật.

5. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước đối với trường hợp không thuộc phạm vi quy định tại khoản 4 Điều này:

a) Căn cứ đề nghị của cơ quan có chức năng thanh tra, kiểm tra, kiểm toán, xử phạt vi phạm hành chính, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch và các cơ quan quản lý nhà nước khác, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

b) Nội dung chủ yếu của Quyết định thu hồi; trách nhiệm của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch theo quy định tại điểm e, điểm g khoản 4 Điều này.

### **Điều 19. Điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Việc điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch chỉ thực hiện giữa các đối tượng được giao quản lý tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 1, điểm a khoản 2 Điều 5 Nghị định này.

2. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện điều chuyển trong các trường hợp sau:

- a) Khi có sự thay đổi về cơ quan quản lý, phân cấp quản lý;
- b) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai



thác không hiệu quả;

c) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

3. Thẩm quyền quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định điều chuyển tài sản giữa các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương; giữa các Bộ, cơ quan trung ương với Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan trung ương.

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển tài sản không thuộc phạm vi quy định tại điểm a khoản này giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

4. Hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Văn bản đề nghị điều chuyển tài sản của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản; cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển: 01 bản chính;

b) Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp: 01 bản chính;

c) Danh mục tài sản đề nghị điều chuyển theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

d) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

5. Trình tự, thủ tục điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý, đơn vị có tài sản điều chuyển tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị điều chuyển tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này, gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có).

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) tổng hợp, có ý kiến bằng văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này (đối với các trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này (đối với các trường hợp có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan về việc điều chuyển tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, các cơ quan có liên quan có trách nhiệm cho ý kiến về đề nghị điều chuyển tài sản với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

đ) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến tham gia của các cơ quan có liên quan, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản đề nghị kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan và hồ sơ quy định tại điểm a, điểm b khoản này, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định.

e) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, ban hành Quyết định điều chuyển tài sản

(đối với tài sản thuộc thẩm quyền điều chuyển của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) hoặc có văn bản gửi lấy ý kiến các cơ quan có liên quan để trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này xem xét, quyết định ban hành Quyết định điều chuyển tài sản theo thẩm quyền (đối với tài sản thuộc thẩm quyền điều chuyển của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại điểm a khoản 2 Điều này) hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị điều chuyển tài sản chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định gồm:

- Tên cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển;
- Tên cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản điều chuyển;
- Danh mục tài sản điều chuyển (tên tài sản; số lượng; công suất; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán); lý do điều chuyển;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có Quyết định điều chuyển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị có tài sản điều chuyển và cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản có trách nhiệm tổ chức bàn giao, tiếp nhận tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản được lập thành Biên bản.

7. Sau khi bàn giao, tiếp nhận tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị bàn giao, tiếp nhận tài sản hạch toán giảm, tăng tài sản, theo chế độ kế toán hiện hành; đăng ký quyền sở hữu, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 24 Nghị định này; cập nhật vào cơ sở dữ liệu về tài sản công.

b) Chi phí hợp lý có liên quan trực tiếp đến việc bàn giao, tiếp nhận tài sản do cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp tiếp nhận tài sản chi trả theo quy định;

c) Không thực hiện thanh toán giá trị tài sản khi điều chuyển.

#### **Điều 20. Thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thanh lý trong các trường hợp sau:

a) Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;

b) Phá dỡ tài sản cũ để đầu tư xây dựng tài sản mới theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt;

c) Cơ quan nhà nước có thẩm quyền điều chỉnh quy hoạch làm cho một phần hoặc toàn bộ tài sản không sử dụng được theo công năng của tài sản;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

3. Vật liệu, vật tư thu hồi từ việc thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xử lý bán.

4. Hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản (trong đó

nêu rõ lý do thanh lý): 01 bản chính;

b) Danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản; số lượng; tình trạng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán) theo Mẫu số 06 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này: 01 bản chính;

c) Hồ sơ có liên quan khác (nếu có): 01 bản sao.

5. Trình tự, thủ tục thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

a) Khi có tài sản cần thanh lý, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh lý tài sản theo quy định tại khoản 4 Điều này gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có);

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) tổng hợp, có ý kiến bằng văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản 4 Điều này, gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này (đối với các trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này (đối với các trường hợp có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo hồ sơ, trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, quyết định.

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này xem xét, ban hành Quyết định thanh lý tài sản hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp đề nghị thanh lý tài sản chưa phù hợp.

Nội dung chủ yếu của Quyết định thanh lý tài sản gồm:

- Tên cơ quan, đơn vị có tài sản thanh lý;
- Danh mục tài sản thanh lý (tên tài sản; số lượng; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán; lý do thanh lý);
- Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

đ) Căn cứ Quyết định thanh lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản tổ chức thực hiện hoặc thuê tổ chức, cá nhân có chức năng thực hiện phá dỡ, hủy bỏ tài sản; kiểm đếm, phân loại vật liệu, vật tư thu hồi. Đối với vật liệu, vật tư thu hồi được xử lý theo quy định tại khoản 3 Điều này thực hiện theo quy định tại Điều 31 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công.

e) Sau khi hoàn thành việc thanh lý tài sản, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giám, báo cáo kê khai bổ sung theo quy định tại Điều 24 Nghị định này và pháp luật có liên quan.

6. Việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ thanh lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

**Điều 21. Xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch bị mất, bị hủy hoại trong trường hợp

do thiên tai, hỏa hoạn hoặc các nguyên nhân khác.

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định hoặc phân cấp thẩm quyền quyết định xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Hồ sơ đề nghị xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Văn bản đề nghị xử lý của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản: 01 bản chính;

b) Ý kiến của cơ quan quản lý cấp trên (nếu có): 01 bản chính;

c) Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính;

d) Biên bản xác định tài sản bị mất, bị hủy hoại: 01 bản chính

đ) Các hồ sơ chứng minh việc tài sản bị mất, bị hủy hoại (nếu có): 01 bản sao.

4. Trình tự, thủ tục xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày phát hiện tài sản bị mất, bị hủy hoại, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xử lý tài sản bị mất, bị hủy hoại quy định tại khoản 3 Điều này gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có);

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) tổng hợp, có ý kiến bằng văn bản kèm theo hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này (đối với các trường hợp không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ theo quy định tại điểm b khoản này (đối với các trường hợp có cơ quan quản lý cấp trên), cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo hồ sơ trình cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này quyết định;

d) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này ban hành Quyết định xử lý tài sản trong trường hợp bị mất, bị hủy hoại.

Nội dung chủ yếu của Quyết định xử lý tài sản gồm:

- Tên cơ quan, đơn vị có tài sản bị mất, bị hủy hoại;
- Danh mục tài sản bị mất, bị hủy hoại được ghi giảm tài sản (số lượng; chủng loại; nguyên giá, giá trị còn lại theo sổ kế toán);
- Lý do (nguyên nhân) tài sản bị mất, bị hủy hoại;
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày có quyết định xử lý của cơ quan, người có thẩm quyền quy định tại khoản 2 Điều này, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản thực hiện kế toán giảm tài sản theo quy định của pháp luật về kế toán; báo cáo kê khai biến động tài sản theo quy định tại Điều 24 Nghị định này.

6. Ngân sách nhà nước đảm bảo kinh phí cho việc khắc phục hậu quả sửa chữa tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch để đảm bảo khôi phục hoạt động cấp nước thông suốt, ổn định.

Trường hợp tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch bị mất, bị hủy hoại được

doanh nghiệp bảo hiểm hoặc tổ chức, cá nhân có liên quan bồi thường thiệt hại thì số tiền thu được từ việc bồi thường thiệt hại tài sản được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 23 Nghị định này sau khi trừ chi phí liên quan (nếu có) và được ưu tiên bố trí trong kế hoạch đầu tư công. Việc dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư, xây dựng tài sản thay thế tài sản bị mất, bị hủy hoại theo quy định của pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

## **Mục 6**

### **QUẢN LÝ, SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ XỬ LÝ, THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

#### **Điều 22. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do cơ quan, đơn vị trực tiếp tổ chức khai thác theo quy định tại Điều 13 Nghị định này thì việc quản lý, sử dụng số tiền thu được từ việc khai thác thực hiện theo cơ chế tài chính áp dụng đối với cơ quan được giao quản lý tài sản.

2. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được thực hiện phương án khai thác quy định tại Điều 14, Điều 15, phương án bán quy định tại Điều 8, phương án giao có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước quy định tại khoản 7, khoản 10 Điều 26 Nghị định này, việc quản lý, sử dụng số tiền thu được thực hiện như sau:

a) Cơ quan, đơn vị, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch được giao tài sản để thực hiện phương án khai thác quy định tại Điều 14, Điều 15, phương án bán quy định tại Điều 8, phương án giao có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước quy định tại khoản 7, khoản 10 Điều 26 Nghị định này có trách nhiệm nộp toàn bộ số tiền thu được vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do Sở Tài chính làm chủ tài khoản.

b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm lập dự toán chi phí có liên quan đến việc thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt. Nội dung các khoản chi phí gồm: chi phí kiểm kê, chi phí xác định giá khởi điểm (bán đấu giá, cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác), chi phí xác định giá trị hoàn trả (giao tài sản có hoàn trả giá trị cho Nhà nước), chi phí tổ chức đấu giá và chi phí khác có liên quan.

3. Mức chi liên quan đến việc thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản được xác định theo nguyên tắc:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến việc thực hiện phương án khai thác, xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký giữa cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ được thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị, được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện

phương án khai thác, xử lý quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

4. Trình tự, thủ tục thanh toán các khoản chi phí có liên quan đến việc thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định các Điều 8, 14, 15, khoản 7, khoản 10 Điều 26 Nghị định này như sau:

a) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thực hiện phương án khai thác, xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện phương án khai thác, xử lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản, tổng chi phí thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính;

- Quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền có liên quan đến việc thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản: 01 bản sao;

- Hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: dự toán chi được duyệt; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

b) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan.

5. Định kỳ hàng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ việc thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch sau khi hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

6. Số tiền đã nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí trong kế hoạch vốn đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng nước sạch theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, pháp luật về đầu tư công và pháp luật có liên quan.

### **Điều 23. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Toàn bộ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được nộp vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc Nhà nước do Sở Tài chính làm chủ tài khoản.

2. Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan, đơn vị có tài sản xử lý.

3. Căn cứ đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, cơ quan chuyên môn lập dự toán đối với các khoản chi phí liên quan đến việc xử lý tài sản, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê

duyet.

Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản gồm:

- a) Chi phí kiểm kê;
- b) Chi phí phá dỡ, hủy bỏ;
- c) Chi phí hợp lý khác có liên quan.

4. Mức chi liên quan đến việc xử lý tài sản gồm:

a) Đối với các nội dung chi đã có tiêu chuẩn, định mức, chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định thì thực hiện theo tiêu chuẩn, định mức và chế độ do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định;

b) Đối với các nội dung thuê dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo Hợp đồng ký giữa cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản và đơn vị cung cấp dịch vụ. Việc lựa chọn đơn vị cung cấp dịch vụ liên quan đến xử lý tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật;

c) Đối với các nội dung chi ngoài phạm vi quy định tại điểm a, điểm b khoản này, người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản quyết định mức chi, bảo đảm phù hợp với chế độ quản lý tài chính hiện hành của Nhà nước trong phạm vi dự toán được giao và chịu trách nhiệm về quyết định của mình.

5. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày hoàn thành việc xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch, cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị thanh toán gửi chủ tài khoản tạm giữ để chi trả. Người đứng đầu cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của khoản chi đề nghị thanh toán. Hồ sơ đề nghị thanh toán gồm:

a) Văn bản đề nghị thanh toán của cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản (trong đó nêu rõ số tiền thu được từ việc xử lý tài sản, tổng chi phí xử lý tài sản, thông tin về tài khoản tiếp nhận thanh toán) kèm theo bảng kê chi tiết các khoản chi: 01 bản chính;

b) Quyết định xử lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền: 01 bản sao;

c) Hồ sơ, giấy tờ chứng minh cho các khoản chi như: dự toán chi được duyệt; chi phí kiểm kê, phá dỡ; hóa đơn, phiếu thu tiền (nếu có): 01 bản sao.

6. Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, chủ tài khoản tạm giữ có trách nhiệm cấp tiền cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch để thực hiện chi trả các khoản chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản.

7. Định kỳ hàng quý, chủ tài khoản tạm giữ thực hiện nộp số tiền còn lại đối với các khoản thu từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã hoàn thành việc thanh toán chi phí vào ngân sách nhà nước theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

8. Trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch không đủ bù đắp chi phí thì phần còn thiếu được chi từ dự toán ngân sách nhà nước giao cho cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý tài sản.

## Mục 7

## **CƠ SỞ DỮ LIỆU VÀ BÁO CÁO TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

### **Điều 24. Báo cáo tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải được báo cáo kê khai và cập nhật thông tin vào cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch để quản lý thống nhất.

2. Hình thức báo cáo kê khai tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch:

a) Báo cáo kê khai lần đầu đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung hiện có tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực thi hành (trừ công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung đã báo cáo kê khai lần đầu theo quy định của Bộ Tài chính tại Thông tư số 54/2012/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung) theo Mẫu số 02A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo kê khai lần đầu đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đang quản lý tại thời điểm Nghị định này có hiệu lực;

c) Báo cáo kê khai bổ sung đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch mới phát sinh hoặc có thay đổi thông tin về cơ quan, đơn vị quản lý hoặc thông tin về tài sản sau ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành theo Mẫu số 02B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

3. Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch lập báo cáo kê khai tài sản theo Mẫu số 02A quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này, gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch ký xác nhận để thực hiện nhập dữ liệu vào cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

Thời hạn gửi báo cáo là 30 ngày, kể từ ngày tiếp nhận tài sản theo quyết định giao quản lý tài sản của cơ quan, người có thẩm quyền hoặc có thay đổi thông tin về cơ quan quản lý, tài sản đã kê khai.

4. Hàng năm, cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản (bao gồm số tiền thu được từ xử lý và thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản); cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch báo cáo số tiền thu được từ thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản của năm trước và báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Thời điểm chốt số liệu báo cáo là thời điểm kết thúc năm tài chính.

5. Báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch gồm:

a) Báo cáo tình hình quản lý tài sản theo Mẫu số 03 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

b) Báo cáo tình hình xử lý tài sản theo Mẫu số 04 quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này;

c) Báo cáo tình hình thực hiện phương án quản lý, khai thác tài sản theo Mẫu số 05A, 05B quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này như sau:

- Báo cáo tình hình thực hiện việc khai thác tài sản theo các phương thức quy định tại các Điều 13, 14, 15 Nghị định này theo Mẫu số 05A;

- Báo cáo tình hình thực hiện việc bán tài sản, giao tài sản có hoàn trả giá trị



cho Nhà nước quy định tại các Điều 8, khoản 6, khoản 10 Điều 26 Nghị định này theo Mẫu số 05B.

6. Thời hạn gửi báo cáo tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hàng năm quy định như sau:

a) Cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản lập báo cáo gửi cơ quan quản lý cấp trên (nếu có), gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trước ngày 28 tháng 02;

b) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản cấp nước sạch gửi Bộ Tài chính trước ngày 15 tháng 3;

c) Bộ Tài chính tổng hợp tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trong phạm vi cả nước báo cáo Chính phủ để báo cáo Quốc hội theo yêu cầu và thực hiện công khai về tài sản của cả nước.

7. Doanh nghiệp có vốn nhà nước được giao tài sản theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định theo quy định tại Điều 6 Nghị định này thực hiện báo cáo tình hình quản lý, sử dụng tài sản theo quy định tại các khoản 3, 4, 5 Điều này.

8. Phương thức báo cáo:

a) Báo cáo bằng văn bản.

b) Báo cáo bằng phương thức điện tử.

### **Điều 25. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch**

1. Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch là một bộ phận của Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công, được xây dựng và quản lý thống nhất trên phạm vi cả nước; thông tin trong Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch có giá trị pháp lý như hồ sơ dạng giấy.

2. Việc xây dựng và quản lý Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đảm bảo các yêu cầu sau:

a) Phù hợp với khung kiến trúc Chính phủ điện tử Việt Nam, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật cơ sở dữ liệu quốc gia, các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật công nghệ thông tin, an toàn, an ninh thông tin và định mức kinh tế - kỹ thuật;

b) Bảo đảm tính tương thích, khả năng tích hợp với Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công; chia sẻ thông tin và khả năng mở rộng các trường dữ liệu trong thiết kế hệ thống và phần mềm ứng dụng;

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, Sở Tài chính thực hiện báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về tài sản công theo quy định.

## **Chương III**

### **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

#### **Điều 26. Điều khoản chuyển tiếp**

1. Trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện:

a) Rà soát, phân loại tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hiện có;

b) Kiểm tra, lập Biên bản hiện trạng quản lý công trình (đối với trường hợp không có hồ sơ công trình thì cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì phối hợp với cơ quan có liên quan để hoàn thiện hồ sơ với các thông tin chủ yếu gồm: ngày đưa vào sử dụng, thời gian sử dụng, giá trị công trình tại thời điểm kiểm tra).

c) Lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch: 01 bản chính;
- Biên bản hiện trạng quản lý công trình cấp nước sạch quy định tại điểm b khoản này: 01 bản chính;
- Văn bản đề nghị của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp đang quản lý công trình: 01 bản chính;
- Giấy tờ có liên quan khác (bản sao).

2. Lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch hoàn thành đầu tư xây dựng, mua sắm, cơ quan, đơn vị tiếp nhận tài sản từ Chủ đầu tư dự án khu đô thị, khu dân cư, đơn vị chủ trì xử lý tài sản (đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được xác lập quyền sở hữu toàn dân) trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa giao cho đối tượng quản lý thì thực hiện việc giao tài sản theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;

b) Trên cơ sở kết quả rà soát, phân loại và thu hồi tại các khoản 3, 4, 5 Điều này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp thực hiện việc lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại các Điều 5, 6, 7 và 8 Nghị định này.

c) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp quy định tại các điểm a, b, c khoản 1, điểm a, điểm b khoản 2 Điều 5 Nghị định này được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Nghị định này với hồ sơ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

d) Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch quy định tại điểm d khoản 1 Điều 5, điểm c khoản 2 Điều 5 được thực hiện theo quy định tại Điều 7 Nghị định này với hồ sơ quy định tại điểm c khoản 1 Điều này.

3. Thực hiện rà soát tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung đã được giao cho đối tượng quản lý theo đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung, Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26 tháng 7 năm 2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04 tháng 5 năm 2013 của Bộ Tài chính thì tiếp tục thực hiện việc giao quản lý theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung đã giao cho đối tượng quản lý không đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC, Thông tư số 76/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính;

c) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn đang tạm giao cho đối tượng quản lý;

d) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao cho hình thức nhận nợ theo đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính thì tiếp tục thực hiện theo quyết định của cơ quan, người có thẩm quyền; sau khi hoàn thành việc hoàn trả số tiền đã nhận nợ với Nhà nước, doanh nghiệp thực hiện quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

đ) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung được giao cho hình thức nhận nợ không đúng quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC của Bộ Tài chính.

#### 4. Thực hiện rà soát tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đã giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp thì tiếp tục thực hiện việc quản lý theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đã giao cho doanh nghiệp có vốn nhà nước theo hình thức giao tài sản không tính thành phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp.

c) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị đang tạm giao cho đối tượng quản lý.

5. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch để giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch để lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này đối với:

a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung quy định tại các điểm b, c, đ khoản 3 Điều này;

b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị quy định tại điểm b, điểm c khoản 4 Điều này;

6. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung mà doanh nghiệp đang quản lý theo quy định tại điểm b, điểm c khoản 3 Điều này được xử lý như sau:

a) Trường hợp doanh nghiệp đã được giao tài sản và có đầu tư tăng thêm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì được lựa chọn giao theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Nghị định này hoặc giao theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước theo quy định tại các khoản 7, 8, 9 Điều này;

b) Trường hợp doanh nghiệp đã được giao tài sản và có đầu tư tăng thêm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà không phải là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì thực hiện theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước theo quy định tại các khoản 7, 8, 9 Điều này.

c) Trường hợp doanh nghiệp đã được giao, quản lý, vận hành tài sản là công trình, mạng lưới đường ống xen kẹt, liên kê (sau đây gọi là công trình xen kẹt) trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì thực hiện việc giao tài sản cho doanh nghiệp đang quản lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản này.

7. Trình tự, thủ tục thực hiện việc giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước nông thôn tập trung cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước quy định tại khoản 6 Điều này như sau:

a) Doanh nghiệp đang quản lý, khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung lập 01 bộ hồ sơ đề nghị được giao tài sản gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch. Hồ sơ gồm:

- Văn bản đề nghị được giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước (giải trình quá trình được giao hoặc tạm giao quản lý; thực trạng việc quản lý, sử dụng và lý do đề xuất giao theo hình thức có hoàn trả); với doanh nghiệp có vốn nhà nước có thêm ý kiến bằng văn bản của cơ quan, người có thẩm quyền quyết định về việc lựa chọn hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị): 01 bản chính;

- Danh mục tài sản đề nghị được giao tài sản có hoàn trả (chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích; trình trạng; nguyên giá (nếu có), giá trị còn lại theo sổ kế toán, giá trị đầu tư tăng thêm): 01 bản chính;

- Biên bản rà soát, phân loại hoặc biên bản kiểm kê tài sản hoặc hồ sơ tài sản được bàn giao, tạm bàn giao đưa vào sử dụng: 01 bản chính;

- Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đầu tư tăng thêm vào tài sản (quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, quyết toán): 01 bản sao;

- Báo cáo tài chính của doanh nghiệp trong thời gian quản lý, tạm quản lý đã được quyết toán thuế: 01 bản sao;

- Hồ sơ liên quan khác: 01 bản sao;

b) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định tại điểm a khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản kèm theo hồ sơ gửi lấy ý kiến của cơ quan tài chính cùng cấp và cơ quan có liên quan.

c) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được văn bản xin ý kiến của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch, cơ quan tài chính cùng cấp, cơ quan có liên quan có trách nhiệm có ý kiến bằng văn bản theo chức năng, nhiệm vụ về phương án giao tài sản.

d) Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được ý kiến bằng văn bản của các cơ quan quy định tại điểm c khoản này, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có văn bản đề nghị (kèm theo ý kiến của các cơ quan có liên quan) và hồ sơ quy định tại điểm a khoản này, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

đ) Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản cho doanh nghiệp đang quản lý, sử dụng theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án giao tài sản không phù hợp. Nội dung chủ yếu của Quyết định gồm:

- Tên doanh nghiệp được giao tài sản;

- Hình thức giao: giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước;

- Danh mục tài sản (chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích; trình trạng; nguyên giá (nếu có); giá trị còn lại theo sổ kế toán; giá trị đầu tư tăng thêm);
- Trách nhiệm tổ chức thực hiện.

#### 8. Xác định giá trị hoàn trả tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

a) Giá trị hoàn trả tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch phải đảm bảo phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương; không thấp hơn giá trị đánh giá lại của tài sản theo quy định của pháp luật (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất); không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).

b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định giá trị hoàn trả tài sản gửi Sở Tài chính thẩm định; trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt giá trị hoàn trả tài sản.

9. Thanh toán giá trị hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước: Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày có quyết định phê duyệt giá trị hoàn trả của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, doanh nghiệp được giao tài sản thực hiện thanh toán theo nguyên tắc sau:

a) Trường hợp giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (trong đó có giá trị đầu tư tăng thêm vào tài sản) hoặc giá giá trị đầu tư tăng thêm vào tài sản đã được doanh nghiệp xác định và phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo xác nhận của cơ quan thuế thì số tiền doanh nghiệp phải thanh toán là giá trị hoàn trả được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

b) Trường hợp giá trị tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (trong đó có giá trị đầu tư tăng thêm vào tài sản) hoặc giá giá trị đầu tư tăng thêm chưa được doanh nghiệp phân bổ vào chi phí sản xuất kinh doanh theo xác nhận của cơ quan thuế thì số tiền doanh nghiệp phải thanh toán là giá trị hoàn trả được Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt trừ đi giá trị mà doanh nghiệp đã đầu tư tăng thêm vào tài sản tối đa không vượt giá trị hoàn trả được phê duyệt.

Trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định tại Hợp đồng mua bán tài sản mà doanh nghiệp mua tài sản chưa thanh toán hoặc chưa thanh toán đủ tiền mua tài sản thì phải nộp khoản tiền chậm nộp; mức tiền chậm nộp áp dụng theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước sạch có văn bản đề nghị kèm theo bản sao Hợp đồng mua bán tài sản và chứng từ về việc nộp tiền của doanh nghiệp mua tài sản gửi Cục thuế để xác định và ra Thông báo về số tiền chậm nộp (nếu có) theo quy định của pháp luật về quản lý thuế. Số tiền chậm nộp (nếu có) là khoản thu của ngân sách địa phương.

c) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công sau khi doanh nghiệp hoàn thành việc thanh toán tiền theo quy định tại b khoản này, trên hóa đơn ghi: thu tiền hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước.

d) Doanh nghiệp thực hiện việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.

đ) Việc quản lý, sử dụng số tiền hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước từ phương thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước được thực hiện theo quy định tại Điều 23 Nghị định này.

10. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị mà doanh nghiệp đang quản lý theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này được xử lý như sau:

a) Trường hợp là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì được lựa chọn giao theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp theo quy định tại Điều 6 Nghị định này hoặc giao theo hình thức có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước theo quy định tại các khoản 7, 8, 9 Điều này;

b) Trường hợp không phải là doanh nghiệp có vốn nhà nước thì thực hiện theo hình thức giao tài sản có hoàn trả giá trị tài sản cho Nhà nước theo quy định tại các khoản 7, 8, 9 Điều này.

11. Đối với Hợp đồng khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (Hợp đồng cho thuê quyền khai thác, Hợp đồng chuyển nhượng công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung) đã được cơ quan, người có thẩm quyền ký kết theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì tiếp tục thực hiện theo quy định đến hết thời hạn của Hợp đồng ký kết; hết thời hạn của Hợp đồng ký kết thực hiện theo quy định tại Nghị định này. Trường hợp sửa đổi, bổ sung Hợp đồng ký kết kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành phải thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

12. Đối với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định xử lý (thanh lý, điều chuyển) theo đúng quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa thực hiện xong thì được tiếp tục thực hiện theo Quyết định đã ký và pháp luật tại thời điểm có Quyết định xử lý.

## **Điều 27. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Tài chính có trách nhiệm:

- a) Quy định chế độ kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;
- b) Quy định chế độ quản lý, tính hao mòn tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên phạm vi cả nước và tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng tiêu chuẩn định mức kỹ thuật, ban hành chế độ, quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung;

b) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung trên phạm vi cả nước và hướng dẫn việc tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;

3. Bộ Xây dựng có trách nhiệm:

a) Chủ trì xây dựng tiêu chuẩn định mức kỹ thuật bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị;

b) Phối hợp với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành chế độ,

quy trình bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

c) Phối hợp với Bộ Tài chính xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị trên phạm vi cả nước và hướng dẫn việc tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công.

3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Chỉ đạo rà soát, phân loại, lập hồ sơ, kế toán tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn tỉnh theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan;

b) Chỉ đạo việc đăng nhập, chuẩn hóa dữ liệu tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc phạm vi địa phương quản lý; báo cáo tình hình quản lý, sử dụng khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này;

c) Chỉ đạo, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch thuộc phạm vi địa phương quản lý theo quy định tại Nghị định này và pháp luật có liên quan.

d) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch định kỳ hàng năm thực hiện việc rà soát, đánh giá tình hình quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch trên địa bàn để lập phương án khai thác tài sản báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

đ) Chỉ đạo Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện các biện pháp phối hợp, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này.

e) Chỉ đạo việc vận hành cấp nước sạch thông suốt, liên tục, không bị gián đoạn làm ảnh hưởng đến đời sống nhân dân trong thời gian thực hiện việc rà soát, phân loại tài sản; thực hiện các thủ tục liên quan đến việc khai thác tài sản (bán/giao có hoàn trả giá trị tài sản/cho thuê quyền khai thác/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác).

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện phối hợp, kiểm tra, giám sát tình hình quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch theo quy định tại Nghị định này.

#### **Điều 28. Hiệu lực thi hành**

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày      tháng      năm 2020.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thủ trưởng các cơ quan liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

#### **Nơi nhận:**

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc CP;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UB giám sát tài chính QG;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;

**TM. CHÍNH PHỦ**  
**THỦ TƯỚNG**

**Nguyễn Xuân Phúc**

- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trụ lý TTCP, TGD Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc Công báo;
- Lưu: Văn thư, KTN (3b).



UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....  
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /...-PA

....., ngày ... tháng .... năm .....

**PHƯƠNG ÁN XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH  
THEO HÌNH THỨC BÁN ĐẤU GIÁ**

**I. SỰ CẦN THIẾT THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
  - Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày .../.../2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;
  - Quyết định giao tài sản của UBND cấp tỉnh
  - Quyết định thu hồi tài sản của UBND cấp tỉnh
- } đối với tài sản thu hồi theo  
} quy định tại khoản 3 Điều  
26 Nghị định số .../2020/NĐ-CP  
của Chính phủ

**2. Cơ sở thực tiễn**

a) Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông tại cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp

- Danh mục tài sản: chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, tình trạng hoạt động, nguyên giá, giá trị còn lại, thời gian đưa tài sản vào sử dụng;

- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng (nếu có, trong trường hợp tài sản đã được giao cho cơ quan, tổ chức, đơn vị, doanh nghiệp quản lý, khai thác);

- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp NSNN, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp được giao quản lý tài sản trong 2 năm liền trước năm lập phương án và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

**II. NỘI DUNG CHỦ YẾU CỦA PHƯƠNG ÁN**

1. Sự cần thiết, sự phù hợp của phương thức bán tài sản với chức năng, nhiệm vụ được giao, quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan;

2. Danh mục tài sản dự kiến thực hiện phương thức bán: tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản;

3. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để bán đấu giá tài sản;

4. Phương thức thanh toán.

5. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc bán tài sản; số nộp ngân sách nhà nước

**III. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ ĐỂ THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN**

**SỞ NN & PTNT/SỞ XD**

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ.....  
CƠ QUAN, ĐƠN VỊ .....

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /....-PA

....., ngày ... tháng .... năm .....

**PHƯƠNG ÁN**  
**KHAI THÁC TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**  
*Phương thức: Cho thuê quyền khai thác tài sản/Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.*

**A. ĐỐI VỚI CƠ QUAN CHUYÊN MÔN VỀ CẤP NƯỚC SẠCH**

**I. Sự cần thiết thực hiện phương án**

**1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày .../.../2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;
- Quyết định giao tài sản cho UBND cấp xã quản lý của UBND cấp tỉnh;
- Văn bản đề nghị giao lại tài sản của UBND cấp xã.

**2. Cơ sở thực tiễn**

a) Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc UBND cấp tỉnh.

b) Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch

- Danh mục tài sản: chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, tình trạng hoạt động, nguyên giá, giá trị còn lại, thời gian đưa tài sản vào sử dụng;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng;
- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp NSNN, chênh lệch thu chi...) của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản trong 2 năm liền trước năm lập phương án và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

**II. Nội dung phương án**

1. Sự cần thiết, sự phù hợp của phương thức cho thuê quyền khai thác/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản với chức năng, nhiệm vụ được giao; với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan;

2. Danh mục tài sản dự kiến thực hiện phương thức cho thuê quyền khai thác/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản: tên tài sản, số lượng, nguyên giá, giá trị còn lại, tình trạng tài sản;

3. Thời hạn khai thác tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Đối với phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải có dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phương thức thanh toán.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

7. Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

### **III. Đề xuất, kiến nghị**

## **B. ĐỐI VỚI ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP**

### **I. Sự cần thiết thực hiện phương án**

#### **1. Cơ sở pháp lý**

- Luật Quản lý, sử dụng tài sản công năm 2017;
- Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày .../.../2020 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch;
- Quyết định giao tài sản cho đơn vị sự nghiệp công lập quản lý của UBND cấp tỉnh;

#### **2. Cơ sở thực tiễn**

2.1. Chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức bộ máy của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản

2.2. Thực trạng quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn/đô thị tại đơn vị:

- Danh mục tài sản: chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, tình trạng hoạt động, nguyên giá, giá trị còn lại, thời gian đưa tài sản vào sử dụng;
- Phương thức khai thác tài sản đang áp dụng;
- Kết quả thực hiện việc khai thác tài sản của 2 năm liền trước năm xây dựng phương án (doanh thu, chi phí, nộp NSNN, chênh lệch thu chi....) của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản trong 2 năm liền trước năm lập phương án và kế hoạch phát triển trong các năm tiếp theo.

### **II. Nội dung phương án**

1. Sự cần thiết, sự phù hợp của phương thức cho thuê quyền khai thác/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản với chức năng, nhiệm vụ được giao; với quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công và pháp luật có liên quan;

2. Danh mục tài sản: chủng loại, số lượng/khối lượng/diện tích/công suất, tình trạng hoạt động, nguyên giá, giá trị còn lại, thời gian đưa tài sản vào sử dụng;

3. Thời hạn khai thác tài sản.

4. Cơ sở và phương pháp xác định giá khởi điểm để cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

Đối với phương thức chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản phải có dự án đầu tư, nâng cấp mở rộng tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.

5. Phương thức thanh toán.

6. Dự kiến nguồn thu từ khai thác tài sản: doanh thu, chi phí có liên quan đến việc cho thuê quyền khai thác tài sản/chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản.

7. Dự kiến số tiền nộp ngân sách nhà nước được ưu tiên bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư công, dự toán chi ngân sách nhà nước để đầu tư xây dựng mới, nâng cấp, cải tạo và phát triển tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.

### **III. Đề xuất, kiến nghị**

**XÁC NHẬN CỦA SỞ NN & PTNT/SỞ XD**

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ**

*(ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

*Ghi chú: Mỗi phương án được lập tương ứng với từng phương thức khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại các Điều 15, 16 Nghị định số .../2020/NĐ-CP ngày tháng năm của Chính phủ.*

**BÁO CÁO KÊ KHAI TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

**Kỳ báo cáo:**

**I. Nội dung:** Báo cáo kê khai lần đầu/khai bổ sung đối với tài sản phát sinh mới theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định /2020/NĐ-CP ngày / /2020 của Chính phủ

**II. Danh mục tài sản**

STT	Danh mục tài sản	Ký hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích		Công suất (m3/ngày đêm)		Giá trị (nghìn đồng)		Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Diện tích đất (m2)	Sàn sử dụng (m2)	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Công trình A													

**Ghi chú:**

- Diện tích đất kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất: là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 9 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại xác định theo quy định tại Khoản 3 Điều 10 Nghị định số...../2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ

....., ngày..... tháng..... năm .....  
**XÁC NHẬN CỦA SỞ NN & PTNT/SỞ XD**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BÁO CÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN VỀ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

**I. Nội dung:** Báo cáo thay đổi về cơ quan được giao quản lý tài sản, thay đổi thông tin về tài sản; xóa thông tin trong Cơ sở dữ liệu...

**II. Thời hạn báo cáo:** Báo cáo theo năm

**III. Danh mục tài sản báo cáo:**

STT	Danh mục tài sản	Ký hiệu	Thông tin đã kê khai	Thông tin đề nghị thay đổi	Ngày tháng thay đổi thông tin	Lý do thay đổi thông tin	Ghi chú
1	2	3	4	5	6	7	8
	TỔNG CỘNG						
I	Công trình A						
1	Công trình khai thác nước						
2	Đường mạng						
	...						
II	Công trình B						

....., ngày ... tháng ... năm.....

**XÁC NHẬN CỦA SỞ NN&PTNT TỈNH ...**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**Ghi chú:**

- Thông tin đã kê khai cột số 4 là thông tin kê khai ban đầu của tài sản đã kê khai vào Phần mềm theo Mẫu số 02/TSNS-BC ban hành kèm theo Nghị định
- Thông tin đề nghị thay đổi cột số 5 là thông tin mới cần điều chỉnh trong Phần mềm so với thông tin cũ đã kê ở cột 4.
- Lý do thay đổi thông tin cột số 7 là thông tin tài sản biến động như: thay đổi về cơ quan được giao quản lý tài sản, thay đổi về thông tin tài sản, xóa thông tin trong Cơ sở dữ liệu.

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

Kỳ báo cáo: .....

**Nội dung:** Báo cáo tình hình quản lý đối với tài sản được giao theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày /2020 của Chính phủ

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	Ký hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )		Công suất (m <sup>3</sup> /ngày đêm)		Giá trị (nghìn đồng)		Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Diện tích đất	Sàn sử dụng	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15
	Công trình A													
	...													

**Ghi chú:**

- Diện tích đất kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất: là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn xây dựng và sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 9 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số...../2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ

....., ngày..... tháng..... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA SỞ NN & PTNT/SỞ XD**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



**BÁO CÁO TÌNH HÌNH XỬ LÝ TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

Kỳ báo cáo:.....

**Nội dung:** Báo cáo tình hình xử lý đối với tài sản được giao theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày / /2020 của Chính phủ

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Danh mục tài sản	Ký hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m2)		Công suất (m3/ngày đêm)		Giá trị		Hình thức xử lý	Quản lý, sử dụng số tiền			Ghi chú
							Đất	Sàn sử dụng	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại		Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18
I	Công trình A																
1																	
2																	

**Ghi chú:**

- Diện tích đất kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất: là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 9 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số...../2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ

....., ngày..... tháng..... năm .....  
**XÁC NHẬN CỦA SỞ NN & PTNT**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

....., ngày..... tháng..... năm .....  
**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**  
 (Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN QUẢN LÝ, KHAI THÁC TÀI SẢN  
KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

**Nội dung:** Báo cáo tình hình khai thác đối với tài sản được giao theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày /2020 của Chính phủ

Kỳ báo cáo:.....

TT	Danh mục tài sản	Ký hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích		Công suất (m3/ngày)		Giá trị (nghìn đồng)		Thời hạn khai thác	Tổ chức, cá nhân nhận khai thác	Quản lý, sử dụng số tiền			Số tiền ưu tiên thực hiện dự án	Ghi chú
							Diện tích đất (m2)	Sàn sử dụng (m2)	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại			Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Nộp NSNN		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
<b>TỔNG CỘNG</b>																			
Tài sản do cơ quan, đơn vị được giao quản lý tự tổ chức vận hành, khai thác																			
1	Công trình A																		
2																			
...																			
Tài sản cho thuê quyền khai thác																			
1																			
2																			

ĐVT: Nghìn đồng

STT	Danh mục tài sản	Ký hiệu	Đơn vị	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích		Công suất (m3/ngày)		Giá trị (nghìn đồng)		Thời hạn khai thác	Tổ chức, cá nhân nhận khai thác	Quản lý, sử dụng số tiền			Số tiền ưu tiên hiện dự án	Ghi chú	
							Diện tích đất (m <sup>2</sup> )	Sàn sử dụng (m <sup>2</sup> )	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại			Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Nộp NSNN			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	
...																				
C	Tài sản chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác																			
1																				
2																				
...																				

**Ghi chú:**

- Diện tích đất kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất: là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn xây dựng và sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 9 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số...../2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ.
- Số tiền ưu tiên thực hiện dự án ghi theo phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt, ghi vào cột ghi chú vẫn bản phê duyệt dự án.

....., ngày..... tháng..... năm .....

**XÁC NHẬN CỦA SỞ NN & PTNT**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**

....., ngày..... tháng..... năm .....

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**DANH MỤC TÀI SẢN ĐỀ NGHỊ XỬ LÝ**

Hình thức xử lý: Thu hồi/ Điều chuyển/Thanh lý...

ĐVT: Nghìn đồng

TT	Danh mục tài sản (Tên công trình)	Ký hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích		Công suất (m3/ngày đêm)		Giá trị (nghìn đồng)		Tình trạng tài sản	Ghi chú
							Diện tích đất (m2)	Sàn sử dụng (m2)	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	11	12	13	14	15	
<b>TỔNG CỘNG</b>														
: Công trình A														
I														
II														
...														

**Ghi chú:**

- Diện tích đất kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất: là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.
- Diện tích sàn xây dựng và sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 9 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.
- Nguyên giá, giá trị còn lại xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số...../2017/NĐ-CP ngày tháng năm 2017 của Chính phủ, ngày..... tháng..... năm.....

**NGƯỜI LẬP BIỂU**

(Ký, ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN ĐƯỢC GIAO QUẢN LÝ TÀI SẢN**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH BÁN/GIAO CÓ HOÀN TRẢ CHO NHÀ NƯỚC  
TÀI SẢN KẾT CẤU HẠ TẦNG CẤP NƯỚC SẠCH**

Kỳ báo cáo:.....

**Nội dung:** Báo cáo tình hình bán/giao có hoàn trả cho Nhà nước đối với tài sản được giao theo quy định tại khoản 5 Điều 24 Nghị định số /2020/NĐ-CP ngày / /2020 của Chính phủ

STT	Danh mục tài sản	Ký hiệu	Đơn vị tính	Số lượng	Năm xây dựng	Năm đưa vào sử dụng	Diện tích (m <sup>2</sup> )		Công suất (m <sup>3</sup> /ngày đêm)		Giá trị (nghìn đồng)		Quản lý, sử dụng số tiền (nghìn đồng)			Ghi chú
							Diện tích đất	Sàn sử dụng	Thiết kế	Thực tế	Nguyên giá	Giá trị còn lại	Tổng số tiền thu được	Chi phí có liên quan	Nộp NSNN	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	15	16	17	18
I	Công trình A															
1																
II																
III																

**Ghi chú:**

-Diện tích đất kê khai tại cột số 8 được áp dụng đối với tài sản gắn liền với đất: là diện tích trong quyết định giao đất, cho thuê đất hoặc văn bản của cấp có thẩm quyền hoặc diện tích đất thực tế quản lý, sử dụng.

-Diện tích sàn sử dụng nhà kê khai tại cột số 9 được áp dụng đối với tài sản là nhà gắn liền với đất.

-Nguyên giá, giá trị còn lại xác định theo quy định tại khoản 3 Điều 10 Nghị định số...../2020/NĐ-CP ngày tháng năm 2020 của Chính phủ

....., ngày..... tháng..... năm.....  
**SỐ NN & PTNT/ SỐ XÂY DỰNG**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Phụ lục

**TỔNG HỢP Ý KIẾN THAM GIA CỦA CÁC BỘ, NGÀNH ĐỊA PHƯƠNG (LẦN 2)**

*Hệ dư thảo Nghị định gửi kèm Công văn số 11313/BTC-QLCS ngày 17/9/2020 của Bộ Tài chính)*

TT	DỰ THẢO NỘI	ĐƠN VỊ TGYK	NỘI DUNG	GIẢI TRÌNH CỦA CỤC QLCS	CHI CHÚ
1	2	3	4	5	6
1	<b>Điều 1. Phạm vi điều chỉnh</b> 1. Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý, bao gồm: a) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung; b) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị. 2. Nghị định này không điều chỉnh đối với: ... c) Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nhỏ lẻ, bao gồm các công trình khai thác, xử lý nước cho một hoặc một vài hộ gia đình sử dụng nước như: công trình thu và chứa nước hộ gia đình, giếng thu nước ngầm tầng (giếng đào, giếng mạch lộ), giếng khoan đường kính nhỏ.	Bộ QP	Đề nghị bổ sung khoản 2 Điều 1 tức là Nghị định này không điều chỉnh với: TS CKCHTCNS tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân Lý do: Việc quản lý, sử dụng TS CKCHTCNS tại đơn vị lực lượng vũ trang nhân dân được quy định tại Mục 5, Chương III Luật Quản lý, sử dụng TSC, Chương V Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ	Chế độ quản lý, sử dụng tài sản kết cấu hạ tầng, trong đó có TS CKCHTCNS được quy định tại Chương IV Luật Quản lý, sử dụng TSC. Theo đó, được quy định chi tiết tại Nghị định của Chính phủ theo quy định tại khoản 3 Điều 13 của Luật.	Giữ nguyên
2	<b>Điều 2. Đối tượng áp dụng</b> 1. Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch. 2. Đơn vị sự nghiệp công lập. 3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn (gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã). 4. Doanh nghiệp. 5. Tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến	Bộ Tư pháp	Đề nghị quy định cụ thể, ví dụ: dưới 10 hộ hoặc công suất sử dụng nước ... m <sup>3</sup> /ngày đêm	Nội dung này đã được quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính và không vướng mắc khi thực hiện.	Giữ nguyên
			Khoản 1 Điều 1 về phạm vi điều chỉnh quy định: "Nghị định này quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý" và khoản 3 Điều 3 dự thảo quy định: Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch do Nhà nước đầu tư, quản lý là tài sản được đầu tư toàn bộ hoặc một	Tiếp thu ý kiến tham gia này, Giao tài sản theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp gồm: doanh nghiệp nhà nước, công ty cổ phần có vốn nhà nước (sau đây gọi là doanh nghiệp có vốn nhà nước) có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch; với các lý do sau đây: - Doanh nghiệp có vốn nhà nước theo quy định tại khoản 11 Điều 4	Tiếp thu sửa đổi tại Điều 7

<p>việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch.</p>	<p><i>phần từ ngân sách nhà nước và tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo quy định của pháp luật"</i></p> <p>Tuy nhiên, Khoản 4 Điều 2 dự thảo Nghị định quy định về đối tượng áp dụng là "doanh nghiệp". Trong khi đó Điều 5, Điều 7 dự thảo quy định về DN do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ. Do đó, chưa rõ đối tượng áp dụng của dự thảo ND có bao gồm DN nhà nước sở hữu dưới 100% vốn điều lệ hay không? Như vậy đối tượng chưa bao quát hết nội dung phạm vi điều chỉnh</p>	<p>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 (có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021) "gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết theo quy định tại Điều 88 của Luật này"; cụ thể: (i) Doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ, (ii) Công ty TNHH 2 thành viên trở lên do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (gọi tắt là Công ty cổ phần).</p> <p>- Công ty cổ phần theo quy định tại Điều 111 Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14: "Công ty cổ phần là doanh nghiệp, trong đó: vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau gọi là cổ phần"; theo đó công ty cổ phần có vốn nhà nước là doanh nghiệp có vốn nhà nước trong vốn điều lệ của doanh nghiệp.</p> <p>- Theo quy định của pháp luật quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp (Luật số 69/2014/QH14) thì Nhà nước chỉ đầu tư bổ sung vốn để duy trì tỷ lệ vốn nhà nước tại Công ty TNHH 2 thành viên trở lên, Công ty cổ phần (không thực hiện đầu tư bổ sung vốn để tăng tỷ lệ vốn nhà nước tại doanh nghiệp); theo đó, khi tăng vốn nhà nước tại 02 loại doanh nghiệp này phải thông qua Hội đồng thành</p>
--	--	--

				<p>viên (đôi với Công ty TNHH 2 thành viên trở lên), Đại hội cổ đông (công ty cổ phần) theo quy định của pháp luật đầu tư vốn sản xuất kinh doanh tại doanh nghiệp và pháp luật doanh nghiệp. Thực tế hiện nay, phần lớn doanh nghiệp sản xuất, kinh doanh nước sạch là công ty cổ phần (do lĩnh vực khai thác, sản xuất và cung cấp nước sạch không thuộc diện nhà nước tiếp tục đầu tư vốn để duy trì tỷ lệ, cổ phần của nhà nước trong doanh nghiệp theo quy định tại Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP và Quyết định số 58/2016/QĐ-TTg ngày 28/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ); do đó, nếu quy định giao tài sản theo hình thức tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp cho doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ thì sẽ rất khó tìm được doanh nghiệp phù hợp, thậm chí nhiều địa phương không có doanh nghiệp nào.</p> <p>Đồng thời, đồng bộ với đổi tương đương giao tài sản là "doanh nghiệp" quy định tại khoản 4 Điều 75 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; trên cơ sở đó, Bộ Tài chính trình Chính phủ quy định việc giao TSKCHT cấp nước sạch cho doanh nghiệp có vốn nhà nước theo hình thức tăng vốn (quy định tại Điều 7)</p>	
3	<p><b>Điều 3. Giải thích từ ngữ</b></p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch (bao gồm cả đất gắn với công trình kết cấu hạ tầng cấp nước sạch) gồm: công trình</p>	Khánh Hòa	<p>Đề nghị quy định bổ sung đối với các công trình do Nhà nước đầu tư chỉ gồm hệ thống mạng lưới</p>	<p>Dự thảo quy định khoản 1 Điều 3 thì mạng lưới đường ống cung cấp nước sạch là tài sản công và là tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch</p>	Giữ nguyên



<p>khai thác nước, công trình xử lý nước, mang lưới đường ống cung cấp nước sạch và các công trình phụ trợ có liên quan.</p>		<p>đường ống dẫn nước thì có phải là SKCHTCNS hay không?</p>		
<p>4. Cơ quan quản lý nhà nước về TSKCHTCNS gồm:  a) Cơ quan quản lý nhà nước về TSKCHTCNS ở trung ương là Bộ Xây dựng, Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn.  b) Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch ở địa phương là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.  Cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch (Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn, Sở Xây dựng) sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn/đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.</p>	<p>Bộ NN&amp;PTNT</p>	<p>(1) Đề nghị rà soát lại, đảm bảo nguyên tắc một công việc chỉ do một cơ quan chủ trì; tránh chồng chéo, không phân định được trách nhiệm QLNN</p> <p>(2) Đề nghị sửa lại điểm a, khoản 4, Điều 3: “Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản công ở trung ương là Bộ Tài chính. Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước nông thôn. Bộ Xây dựng là cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực cấp nước đô thị.”</p> <p>(3) Đề nghị sửa lại điểm b, khoản 4, Điều 3: “Cơ quan quản lý nhà nước về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch ở địa phương là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện theo phân cấp trực tiếp quản lý.  ... Trường hợp là UBND cấp huyện theo phân cấp trực tiếp quản lý, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn/đô thị là Phòng NN/PTNT (Phòng Kinh tế/Phòng Quản lý đô thị (Phòng Kinh tế và hạ tầng) thuộc UBND cấp huyện.”</p> <p>(3) Đề nghị bổ sung khoản 10: TSKCHTCNS phục vụ quốc phòng, an ninh do Bộ Quốc phòng, Bộ Công an quy định.</p>	<p>Rà soát đảm bảo đúng nguyên tắc này.</p> <p>Giữ nguyên như dự thảo</p> <p>Giữ nguyên</p> <p>Đề nghị giữ nguyên vì tại dự thảo Nghị định không giao TSKCHT cấp nước sạch cho UBND cấp huyện quản lý.  Lý do: giải thích ở điểm 4 Hình thức giao TSKCHT cấp nước sạch ở điểm 4 dưới đây.</p> <p>Giữ nguyên (giải trình tại điểm 1)</p>	<p>Giữ nguyên</p>

	BỘ NV	Đề nghị bỏ đoạn: (Sở NN&PTNN, Sở Xây dựng) sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn/dô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh vì chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh đã được điều chỉnh ở Nghị định số 24/2014/NĐ-CP ngày 04/4/2014, số 107/2020/NĐ-CP ngày 14/9/2020.	Quy định như dự thảo đảm bảo phù hợp về pháp luật và đảm bảo bao quát hiện một số địa phương quy định cơ quan chuyên môn cấp nước sạch đô thị quản lý về chuyên môn cả cấp nước sạch đô thị, nông thôn.	Giữ nguyên
	BỘ KHĐT	Đề nghị bổ sung "chủ đầu tư dự án"	Đề nghị giữ nguyên; Lý do: đã được quy định tại pháp luật về đầu tư; Nghị định này không có quy định riêng, khác với quy định hiện hành.	Giữ nguyên
	Hải Dương; Sơn La	Đề nghị sửa là: - <i>Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn.</i> - <i>Sở Xây dựng là cơ quan chuyên môn giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện chức năng quản lý nhà nước về cấp nước sạch đô thị</i>	Nội dung quy định tại dự thảo đảm bảo bao quát và tinh chủ động của UBND cấp tỉnh trong phân giao nhiệm vụ cho các cơ quan chuyên môn.	Giữ nguyên
	Cà Mau	Điểm a khoản 4: Đề nghị điều chỉnh, bổ sung: "a) Cơ quan quản lý nhà nước về TSKCHTCNS ở trung ương là Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng, Bộ NN&PTNT"	Đề nghị giữ nguyên đảm bảo phù hợp với quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 19 Luật Quản lý, sử dụng TSC	Giữ nguyên
	Phủ Thọ	Đề nghị sửa là: <i>để nhận mỗi khoản tiền theo giá trị hợp đồng.</i> Động thời, sửa các khoản 8, 9 tương tự.	Tại Điều 83, Điều 84 Luật Quản lý, sử dụng TSC đã quy định khái niệm này; do đó, giữ nguyên phù hợp với quy định của Luật.	Giữ nguyên
	Phủ Thọ	7. Cho thuê quyền khai thác TSKCHTCNS là việc Nhà nước chuyển giao quyền khai thác tài sản cho tổ chức, cá nhân để sản xuất, kinh doanh nước sạch trong một khoảng thời hạn nhất định theo Hợp đồng để nhận một khoản tiền tương ứng.		

	Sơn La	Đề nghị bổ sung 2 khoản định nghĩa về TCKCHTCNS nông thôn tập trung và TCKCHTCNS đô thị	Nội dung khoản 1, khoản 2 Điều 3 dự thảo Nghị định là khái niệm tại văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BXD ngày 27/4/2020 của Chính phủ (hợp nhất 02 ND số 117/2007/ND-CP ngày 11/7/2007 và ND số 124/2011/ND-CP ngày 28/12/2011 của Chính phủ) đã đầy đủ nội hàm về tài sản KCHTCNS.	Giữ nguyên
<p>4</p> <p><b>Điều 5. Hình thức giao TCKCHTCNS nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Giao TCKCHTCNS nông thôn tập trung theo hình thức ghi tăng tài sản cho cơ quan, đơn vị theo quy định tại Nghị định này, gồm:</p> <p>a) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch nông thôn (Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Ban quản lý công trình cấp nước sạch, đơn vị sự nghiệp công lập khác);</p> <p>b) Ủy ban nhân dân cấp xã;</p> <p>c) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện việc quản lý và lập phương án quản lý, khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều này.</p>	Bộ Nội vụ	Đề nghị cần nhắc bỏ đoạn ( <i>Trung tâm nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn, Ban quản lý công trình cấp nước sạch, đơn vị sự nghiệp công lập khác</i> ) vì việc quy định đơn vị sự nghiệp nào có chức năng quản lý nước sạch nông thôn thuộc thẩm quyền UBND cấp tỉnh, Chính phủ không làm thay.	Quy định tại dự thảo đảm bảo rõ ràng và phù hợp với thực tế hiện nay tại nhiều địa phương; do đó, đề nghị giữ nguyên như dự thảo.	Giữ nguyên

Quảng Nam	<p>Tại điểm c khoản 1 Điều 5; khoản 3 Điều 5 : đề nghị sửa thành: "<i>Cơ quan được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản KCHTCNS nông thôn tập trung thực hiện việc quản lý và lập phương án quản lý, khai thác tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều này.</i>"</p>	<p>Tiếp thu các ý kiến tham gia tại Điều 5 này, dự thảo Điều 5 sửa đổi theo hướng thực hiện giao tài sản KCHTCNS (không phân biệt cấp nước nông thôn tập trung, đô thị theo 2 Chương như dự thảo cũ); cụ thể</p> <p>Quy định đối tượng và hình thức giao tài sản KCHTCNS như sau:</p> <p>(1) Giao tài sản theo hình thức ghi tăng tài sản cho: (i) Đơn vị sự nghiệp công lập có chức năng cấp nước sạch; (ii) UBND cấp xã. Không áp dụng việc giao TSKCHT cấp nước sạch đô thị cho UBND cấp xã.</p> <p>(2) Giao tài sản theo hình thức ghi tăng vốn nhà nước tại doanh nghiệp có vốn nhà nước có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch. <i>Lý do giải trình tại điểm 2 nêu trên.</i></p> <p>(3) Giao tài sản cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (sau đây gọi là cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch) để lập phương án khai thác trong các trường hợp sau:</p> <p>(i) Bán tài sản theo hình thức đấu giá cho các tổ chức đề quản lý, sử dụng và khai thác vào mục đích sản xuất, kinh doanh nước sạch trong trường hợp không giao được tài sản cho các đối tượng quy định tại điểm (1) điểm (2) nêu trên.</p> <p>Lý do: căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 13 Luật Quản lý, sử dụng tài sản công (<i>Chính phủ quy định chi tiết việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT</i>), tại khoản 7 Điều 7</p>
Bộ NN&PTNT	<p>Đề nghị bỏ điểm c, khoản 1 Điều 5 do cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh (Số NN&amp;PTNT) không phải là cơ quan, đơn vị được giao quản lý, sử dụng và khai thác tài sản.</p>	
		<p>Sửa đổi Điều 5 dự thảo Nghị định</p>

Luật (quy định hình thức hình thức bán tài sản công là một trong những hình thức khai thác nguồn lực tài tài chính từ tài sản công), điểm đ khoản 1 Điều 80 Luật (về phương thức khai thác TSKCHT “phương thức khác theo quy định của pháp luật”).

Đồng thời, công trình nước sạch nông thôn tập trung là TSKCHT có tính đặc thù là loại tài sản có giá trị nhỏ, nằm phân tán tại các vùng, địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội chưa phát triển, đã được NSNN đầu tư thông qua các chương trình mục tiêu quốc gia về nước sạch nông thôn để cung cấp và khuyến khích người dân sử dụng nước sạch. Để việc quản lý thiết thực, có hiệu quả, phù hợp với đặc điểm của loại tài sản này, từ năm 2013 (tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC) năm 2017 (tại Thông tư số 76/2017/TT-BTC) đã quy định hình thức chuyển nhượng công trình cho khu vực ngoài nhà nước quản lý, khai thác; theo báo cáo của các địa phương thì phương thức này đến nay vẫn còn phù hợp và đang phát huy hiệu quả.

(ii) Cho thuê quyền khai thác hoặc chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đối với trường hợp tài sản đã giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã, nhưng thực tế việc quản lý, sử dụng và khai thác không đạt hiệu quả để tiếp tục khai thác theo phương thức quy định tại Nghị định này.

	Kiên Giang	<p>Đề nghị bỏ đối tượng UBND cấp xã do cấp xã không có cán bộ có chuyên môn, việc quản lý không hiệu quả.</p>	<p>Kế thừa quy định tại các Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013, số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính và phù hợp với thực tế việc quản lý TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung hiện nay, số lượng công trình giao cho UBND cấp xã rất lớn. Đồng thời bổ sung: (1) điều kiện giao tài sản cho Ủy ban nhân dân cấp xã được thực hiện trong trường hợp được ngân sách Nhà nước cấp huyện đảm bảo kinh phí để thực hiện việc bảo trì tài sản theo quy định. (2) Việc giám sát của cơ quan cấp trên (Ủy ban nhân dân cấp huyện) để giám sát khâu trung gian, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả pháp lý phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.</p>	Giải trình có bổ sung
<p>2. Giao TCKCHTCNS nông thôn tập trung theo hình thức tăng vốn Nhà nước cho doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư và sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp và pháp luật có liên quan.</p>	Lai Châu,  Bộ Công thương	<p>- Đề nghị sửa lại là “doanh nghiệp nhà nước” (bao gồm các doanh nghiệp do Nhà nước nắm giữ trên 50% vốn điều lệ, tổng số cổ phần có quyền biểu quyết) để phù hợp với Luật DN số 59/2020/QH14. - Đề nghị giao cho “<i>Danh nghiệp có vốn nhà nước</i>” để phù hợp với khoản 4 Điều 75 Luật Quản lý, sử dụng TSC</p>	<p>Tiếp thu với nội dung giải trình tại điểm 2 nêu trên</p>	Sửa đổi tại Điều 5, Điều 6 dự thảo Nghị định
<p>3. Giao TCKCHTCNS nông thôn tập trung cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để lập phương án quản lý, khai thác tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt theo các phương thức như sau:</p>	Phú Thọ	<p>Đề nghị bổ sung: để quản lý, lập phương án....</p>		Giữ nguyên

		Long An	Đề nghị bổ sung quy định giao tài sản cho UBND cấp huyện quản lý hoặc UBND cấp tỉnh được phép ủy quyền, phân cấp cho UBND cấp huyện cho đồng bộ với các hạ tầng kỹ thuật khác.	Giữ nguyên nội dung dự thảo để giám sát khâu trung gian, đảm bảo hiệu lực, hiệu quả pháp lý phù hợp với tình hình thực tế hiện nay.	Giữ nguyên
		Lai Châu	Đề nghị bổ sung quy định giao tài sản cho doanh nghiệp theo phương thức nhận nợ	<p>- Dự thảo Nghị định này quy định: (i) giao cho DN 100% vốn nhà nước (đã tiếp thu sửa thành Doanh nghiệp có vốn nhà nước) theo hình thức tăng vốn; (ii) giao cho cơ quan cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý, để lập phương án khai thác tài sản, trong đó có phương thức bán "đất" cho các tổ chức, cá nhân theo phương thức đầu giá. Do đó, không có hình thức giao DN nhận nợ.</p> <p>- Quy định xử lý giao cho DN theo phương thức nhận nợ được quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC được quy định xử lý chuyên tiếp (Điều 26 dự thảo Nghị định).</p>	Giữ nguyên
		Bộ Nông nghiệp và PTNT	<p>- Đề nghị bổ sung quy định thẩm quyền, trách nhiệm của UBND cấp huyện và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND cấp huyện trong việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT cấp nước sạch trong TH UBND cấp huyện được phân cấp trực tiếp quản lý;</p> <p>- Đề nghị đổi cụm từ "<i>UBND cấp tỉnh</i>" thành cụm từ "<i>UBND cấp tỉnh hoặc UBND cấp huyện phân cấp trực tiếp quản lý</i>"</p>	Quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013, Thông tư số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính và phù hợp với thực tế việc quản lý tài sản KCHTNS hiện nay không giao TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung cho UBND cấp huyện quản lý. Tài dự thảo Nghị định bổ sung: UBND cấp huyện có trách nhiệm bố trí kinh phí bảo trì tài sản trong TH giao tài sản cho UBND cấp xã; trách nhiệm giám sát của UBND cấp huyện.	Giữ nguyên
		Bộ KHĐT	Đề nghị bổ sung quy định về tiêu chí xác định quy mô cấp công trình và đặc điểm cụ thể để	Đề nghị giữ nguyên; lý do: tiêu chí quy mô cấp công trình theo pháp luật chuyên ngành về cấp nước	Giữ nguyên

		UBND cấp tỉnh lựa chọn phương án giao quản lý, khai thác tài sản	sach; UBND cấp tỉnh căn cứ điều kiện cụ thể để chủ động trong việc giao quản lý TSKCHTCNS bảo đảm hiệu quả.	
<p>5</p> <p><b>Điều 6. Thẩm quyền, trình tự thủ tục giao TSKCHTCNS nông thôn tập trung cho Ủy ban nhân dân cấp xã, đơn vị sự nghiệp công lập</b></p> <p>1. Căn cứ điều kiện cụ thể về quy mô công trình, công nghệ cấp nước, xử lý nước, đặc điểm kinh tế xã hội của từng địa phương, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung cho <u>đơn vị sự nghiệp công lập</u>, Ủy ban nhân dân cấp xã (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này.</p>	Tiền Giang	<p>Ở trên địa bàn tỉnh còn hình thức hợp tác xã, tổ hợp tác. Cần có giải pháp chính để giao cho các đơn vị này.</p>	<p>Tại các Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013, số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính không quy định giao tài sản (công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung ) hợp tác xã, tổ hợp tác.</p> <p>Đồng thời, thực tiễn việc giao công trình cho đối tượng này quản lý hầu như không có.</p>	Giữ nguyên
<p>9. Căn cứ Quyết định giao TCKCHTCNS nông thôn tập trung của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với cơ quan tài chính cùng cấp và bên giao, bên nhận tài sản tổ chức thực hiện bàn giao, tiếp nhận tài sản. Việc bàn giao, tiếp nhận tài sản phải được lập thành Biên bản.</p>	Hà Giang	<p>Đề nghị bỏ: <i>cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn và cơ quan tài chính cùng cấp</i></p> <p>Lý do: việc bàn giao tài sản đã được UBND tỉnh phê duyệt kèm theo phương án, các đơn vị thực hiện theo quy định được phê duyệt</p>		Giữ nguyên
<p>6</p> <p><b>Điều 7. Thẩm quyền, trình tự thủ tục giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung cho doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ</b></p>	Bộ Công thương	<p>Bổ sung quy định trình tự, thủ tục việc giao cho “<i>Doanh nghiệp có vốn nhà nước</i>”</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia này (giải trình tại điểm 2 nêu trên – giải trình ý kiến tham gia của Bộ tư pháp).</p>	<p>Tiếp thu sửa đổi Điều 6</p>
	Bộ NN&PTNT;	<p>Khoản 1 Điều 6, Điều 7, Điều 8 quy định về các tiêu chí giao tài sản cho UBND cấp xã, ĐVSN, DN còn chung chung. Đề nghị quy định bổ sung cụ thể về điều kiện, năng lực của đơn vị được giao quản lý, sử dụng.</p>	<p>Giải trình bổ sung:</p> <p>(1) Giao UBND cấp xã quản lý tài sản trên địa bàn cấp xã quy định bổ sung điều kiện về kinh phí bảo trì (Điều 11 dự thảo Nghị định).</p> <p>- Đối với tài sản được giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã quy định tại</p>	<p>- Sửa đổi Điều 5, Điều 6</p> <p>- Hoàn thiện bổ sung khoản điểm b khoản 4 Điều 11 dự thảo Nghị định</p>



	Việc quản lý, sử dụng đất gắn với TCKCHTCONS nông thôn tập trung thực hiện theo quy định của pháp luật về đất đai, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.	Bộ KHĐT	Đề nghị làm rõ việc quản lý, sử dụng đất trong trường hợp này có theo pháp luật về TSC hay không?	điểm b khoản 1 Điều 5 Nghị định này thì giao cho Ủy ban nhân dân cấp huyện bố trí kinh phí bảo trì theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước. (2) DVSN, DN là đơn vị, tổ chức có chức năng kinh doanh nước sạch trên địa bàn.	Giữ nguyên
7	<b>Điều 9. Bán TSKCHTCONS nông thôn tập trung</b> 2. Xác định giá khởi điểm để bán đấu giá TCKCHTCONS nông thôn tập trung a) <i>Giá khởi điểm để đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung phải đảm bảo phù hợp với giá thị trường của tài sản cùng loại hoặc tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương, không thấp hơn giá trị đánh giá lại tương ứng với thời gian sử dụng còn lại của tài sản theo quy định của pháp luật (không bao gồm giá trị quyền sử dụng đất); không bao gồm thuế giá trị gia tăng (VAT).</i>	NHNN  Thái Bình	- Đề nghị sửa lại "tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng, xuất xứ tại thời điểm xác định giá" cho thống nhất với quy định về xác định giá khởi điểm trong bán TSC theo hình thức đấu giá quy định tại điểm b khoản 2 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP. - Đề nghị bổ sung "tài sản có tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng tương đương".	Thứ tự thay đổi là Điều 8 dự thảo Nghị định	Giữ nguyên (Thứ tự thay đổi là Điều 8 dự thảo Nghị định)
	b) Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuê tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc chủ trì phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định khởi điểm, giới Sở Tài chính thẩm định; trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổng hợp,	Bắc Giang Lạng Sơn BRVT	- Đề nghị bỏ cụm từ "giá Sở Tài chính thẩm định" do trong thành phần của Hội đồng định giá đã có Sở Tài chính;	Đề nghị giữ nguyên việc thuê tổ chức thẩm định giá hay Hội đồng định giá là xác định giá, trách nhiệm thẩm định giá là của Sở Tài chính.	Giữ nguyên

	trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt giá khởi điểm để bán đấu giá tài sản.	Hải Dương	Đề nghị sửa là: <i>giả Sở Tài chính thẩm định, trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phê duyệt để phù hợp với Luật Giá, Luật Quản lý, sử dụng TSC.</i>		Giữ nguyên
	4. Tổ chức, cá nhân tham gia đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung phải có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch; có khả năng tài chính; có năng lực quản lý, vận hành và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung.	NHNN	Đề nghị làm rõ về tiêu chí để xác định, nhằm bảo đảm áp dụng thống nhất, tăng tính khả thi của Nghị định	Đề nghị giữ nguyên với 2 tiêu chí quy định tại dự thảo Nghị định, trong tổ chức hiện căn cứ tình hình thực tế, địa phương có thể bổ sung cho phù hợp.	Giữ nguyên
	5. Tổ chức, cá nhân trúng đấu giá tài sản tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản cho cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn cấp tỉnh. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do Sở Tài chính làm chủ tài khoản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.	NHNN	Đề nghị xem lại quy định này vì theo quy định tại khoản 7 Điều 24 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP thì thời hạn 90 ngày áp dụng đối với trường hợp bán trụ số làm việc; đối với trường hợp bán các tài sản khác (bao gồm TSKCHTCNS nông thôn tập trung) thì thời hạn thanh toán là 05 ngày làm việc	Tiếp thu sửa lại khoản 6 Điều 9 6. Tổ chức trúng đấu giá tài sản tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung có trách nhiệm thanh toán tiền mua tài sản trong thời hạn 180 ngày cho cơ quan quản lý nhà nước về cấp nước sạch nông thôn cấp tỉnh theo tiến độ 02 lần trong thời hạn 180 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản; trong đó, lần 1 thanh toán tối thiểu 50% giá trị hợp đồng trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng mua bán tài sản, lần 2 thanh toán số tiền còn lại trong thời hạn thanh toán theo quy định. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm nộp tiền vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do Sở Tài chính làm chủ tài khoản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản.	Hoàn thiện lại khoản 6 Điều 8 dự thảo Nghị

		<p>Hải Dương</p> <p>Đề nghị bổ sung quy định: thời gian tối đa 90 ngày để xử lý hủy kết quả đấu giá nếu tổ chức, cá nhân trúng đấu giá nhưng không thanh toán đúng quy định trong Hợp đồng mua bán</p>	<p>Tiếp thu bổ sung tại khoản 8 Điều 9 như sau:</p> <p>8. Thời hạn thanh toán tiền mua tài sản; thời hạn bàn giao tài sản; trách nhiệm của các bên trong việc vi phạm Hợp đồng mua bán; hủy hợp đồng mua bán, thu hồi tài sản phải được quy định trong Quy chế bán đấu giá tài sản, Hợp đồng mua bán tài sản.</p> <p><i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định trường hợp quá thời hạn thanh toán theo quy định tại khoản 6 Điều này, thực hiện thu hồi tài sản và không hoàn trả số tiền đã thanh toán cho tổ chức mua tài sản.</i></p>	<p>Hoàn thiện lại khoản 8 Điều 8 dự thảo Nghị định.</p>
	<p>Quảng Nam</p>	<p>Đề nghị sửa lại khoản 5 Điều 9 bổ sung đoạn chữ nghiêng: “Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm nộp tài khoản tạm giữ tại Kho bạc nhà nước do Sở Tài chính làm chủ tài khoản trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được tiền bán tài sản”.</p>		<p>Tiếp thu hoàn thiện khoản 5 Điều 8 dự thảo</p>
<p>6. Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh có trách nhiệm xuất hóa đơn bán tài sản công cho tổ chức, cá nhân mua tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng tài sản công sau khi tổ chức, cá nhân mua tài sản hoàn thành việc thanh toán và thực hiện bàn giao tài sản tại nơi có tài sản; việc bàn giao, tiếp nhận tài sản</p>	<p>Nghệ An</p>	<p>Theo quy định tại khoản 4 Điều 96 Nghị định số 151/2017/NĐ-CP: “4. Khi có nhu cầu sử dụng hóa đơn, cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức xử lý các tài sản công quy định tại khoản 1 Điều 95 Nghị định này đăng ký mua hóa đơn tại STC hoặc Phòng Tài chính – Kế hoạch cấp huyện”; do đó, đề thuận tiền giao cho UBND cấp huyện (địa bàn quản lý TSKCHT cấp nước sạch) chịu trách nhiệm xuất hóa đơn bán</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên như dự thảo cơ quan được giao quản lý thực hiện việc quản lý, khai thác (bán) hoặc việc xử lý (điều chuyển, thanh lý...) sẽ tổ chức việc khai thác việc xử lý tài sản, trong đó có việc xuất hóa đơn cho người mua trong trường hợp bán tài sản.</p>	<p>Giữ nguyên</p>

phải được lập thành biên bản.		TSC trên cơ sở đề xuất của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc UBND cấp tỉnh sau khi hành thành bán đấu giá tài sản		Giữ nguyên
<p>8. Xử lý trong trường hợp đấu giá tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung không thành:</p> <p>...b) Bán cho người duy nhất trong trường hợp khi đã hết thời hạn đăng ký tham gia mà chỉ có một người đăng ký tham gia đấu giá hoặc có nhiều người đăng ký tham gia đấu giá nhưng chỉ có một người tham gia cuộc đấu giá hoặc có nhiều người tham gia cuộc đấu giá nhưng chỉ có một người trả giá hoặc có nhiều người trả giá nhưng chỉ có một người trả giá cao nhất và trả giá ít nhất bằng giá khởi điểm khi đấu giá từ lần thứ hai trở lên.</p> <p>c) Trường hợp sau 02 lần tổ chức đấu giá không thành, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện theo một trong các phương án sau:</p> <p>- Tổ chức thực hiện việc đấu giá lại theo quy định của pháp luật;</p> <p>- Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản để bán cho người duy nhất theo quy định tại điểm b khoản này hoặc thực hiện giao tài sản theo quy định tại Điều 5 Nghị định này.</p>	Bộ QP	<p>- Đề nghị phân tích, làm rõ quy định này để đảm bảo cạnh tranh, công bằng, minh bạch và tránh thất thoát lãng phí tài sản nhà nước cho phù hợp với quy định của Luật Đấu thầu số 43/2013/QH13;</p> <p>- Đề nghị bổ sung quy định điều chỉnh giảm giá khởi điểm (tối đa 15%) trong trường hợp sau 02 lần tổ chức mà không có tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia đấu giá.</p>	Thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu giá tài sản	Giữ nguyên
	Khánh Hòa	<p>Đề nghị bổ sung: Tổ chức thực hiện việc đấu giá lại theo quy định của pháp luật (trong trường hợp cơ quan được giao nhiệm vụ tổ chức bán tài sản xác định đấu giá không thành do giá khởi điểm cao, không phù hợp với giá thị trường thì được xác định lại giá khởi điểm để tổ chức đấu giá lại. Việc xác định lại giá khởi điểm được thực hiện như xác định giá khởi điểm lần đầu).</p>	Nội dung quy định bán đấu giá giữ không thành quy định như ND số 151/2017/NĐ-CP là phù hợp với quy định của pháp luật đấu giá.	Giữ nguyên
	Hải Dương	<p>Đề nghị bổ sung hình thức, trình tự thủ tục "bán trực tiếp TSKCHTCNS theo hình thức niêm yết giá công khai"</p>	Nội dung quy định bán đấu giá quy định tại dự thảo thực hiện theo quy định về đấu giá tài sản tại ND số 151/2017/NĐ-CP là phù hợp với quy định của pháp luật đấu giá.	Giữ nguyên
	Bắc Giang	<p>Đề nghị bổ sung một khoản như sau: Đối với công trình nước mới là hệ thống đường mạng cấp nước sạch xen kẽ, liên kết phải đấu nối với hệ thống đường mạng cấp nước sạch</p>	Quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công thực hiện bán tài sản công, trong đó có TSKCHT theo hình thức bán đấu giá theo quy định của pháp luật về đấu giá tài	- Giữ nguyên như dự thảo đối với việc bán đấu giá áp dụng

		<p>hiện có đang do doanh nghiệp quản lý, vận hành và khai thác, trên cơ sở đề nghị của doanh nghiệp và ý kiến của cơ quan QLNN chuyên ngành, UBND cấp tỉnh xem xét, quyết định bán theo hình thức <u>chỉ định</u>. Việc xác định giá bán tài sản thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 9 Nghị định</p>	<p>sản, do đó, giữ nguyên như dự thảo đối với các trường hợp bán đấu giá tài sản kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành; - Tiếp thu đối với TH xử lý chuyển tiếp quy định tại các khoản 7, 8, 9 Điều 26 dự thảo Nghị định.</p>
<p>Quảng Nam</p>	<p>- Tại điểm c khoản 8 Điều 9: Trường hợp sau 02 lần tổ chức đấu giá không thành thực hiện theo một trong các phương án sau: (1) Tổ chức thực hiện việc đấu giá lại theo quy định của pháp luật; (2) Trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định hủy bỏ quyết định bán đấu giá tài sản để bán cho người duy nhất theo quy định tại điểm b khoản này hoặc thực hiện giao tài sản theo quy định tại Điều 5 Nghị định này; (i) Bán; (ii) cho thuê quyền khai thác; (iii) chuyển nhượng có thời hạn. Quy định thể này có lòng vòng hay không; đề nghị xem xét chỉnh lại cho hợp lý.</p>	<p>Dự thảo quy định phù hợp với pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công về bán đấu giá tài sản: Bán 2 lần không thành; trình cấp có thẩm quyền. Hoặc tổ chức đấu giá lại hoặc lựa chọn phương án khác thuộc thẩm quyền của UBND cấp tỉnh.</p>	<p>tiếp thu: Bán công trình trình cấp có thẩm quyền (UBND cấp tỉnh) thực hiện phương án giao tài sản theo Điều 5.</p>
<p>9</p> <p><b>Điều 12. Bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung</b> ... 3. Chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nước sạch trong kỳ.</p>	<p>Nghệ An</p>	<p>Đề nghị sửa lại khoản 3 Điều 12 như sau: “3. Chi phí bảo trì tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh nước sạch <i>chia đơn vị cấp nước trong kỳ</i>”.</p>	<p>Tiếp thu hoàn thiện khoản 3 Điều 11 dự thảo ND (thay đổi thứ tự Điều).</p>

10	<p><b>Điều 15. Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Việc cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung áp dụng đối với tài sản giao cho đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Nghị định này, cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định tại khoản 3 Điều 5 Nghị định này.</p> <p><i>Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Hợp đồng cho thuê nhưng tối đa không quá 05 năm.</i></p>	Bắc Giang	<p>Đề nghị xem lại nội dung này theo hướng tăng thêm thời gian; vì thời gian cho thuê quá ngắn thì đơn vị được giao tài sản sẽ khó thực hiện và khó thu hút các đơn vị tham gia.</p>	<p>Tiếp thu sửa lại:</p> <p>Thời hạn cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định cụ thể trong Hợp đồng cho thuê nhưng tối đa không quá thời gian sử dụng còn lại của tài sản theo quy định của pháp luật; trường hợp việc cho thuê quyền khai thác có nhiều tài sản với thời gian sử dụng còn lại khác nhau thì thời hạn cho thuê quyền khai thác không quá thời hạn sử dụng còn lại của tài sản có thời hạn nhiều nhất.</p>	<p>Tiếp thu sửa lại khoản 1 Điều 14 dự thảo Nghị định (thay đổi thứ tự Điều).</p>
		Quảng Nam	<p>Đề nghị xem lại “cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh” không phải là đơn vị SNCL thì có thực hiện cho thuê quyền khai thác được không?</p>	<p>Nguyên tắc của Luật Quản lý, sử dụng TSC được thể chế tại các Nghị định, trong đó có dự thảo Nghị định này: Cơ quan, tổ chức, đơn vị được giao quản lý tài sản KCHTNS nông thôn tập trung thì cơ quan, tổ chức, đơn vị đó thực hiện việc sử dụng. Khai thác theo Nghị định này.</p> <p>Điểm c, khoản 1 điểm d khoản 2 Điều 5 đã quy định việc giao TSKCHTNS cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để lập phương án khai thác (Điều 7)</p>	<p>Sửa đổi tại điều 7 dự thảo Nghị định.</p>

	Bộ Công thương	<p>Điều 15 dự thảo quy định: “đơn vị được giao quản lý tài sản lập <i>phương án cho thuê quyền khai thác...</i>”. Tuy nhiên, theo quy định tại khoản 3 Điều 55 Luật Quản lý, sử dụng TSC lập Đề án</p>	<p>Quy định chế độ quản lý, sử dụng TSKCHT tại Chương IV Luật Quản lý, sử dụng TSC, cho thuê quyền khai thác quy định tại Điều 83 của Luật.</p> <p>- Sử dụng cụm từ “<i>Đề án</i>” hay “<i>Phương án</i>” còn quy định nội hàm của việc lập Đề án, lập Phương án như nhau.</p>	
<p>11</p> <p><b>Điều 17. Giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác TSKCHTCNS nông thôn tập trung</b></p> <p>....</p> <p>2. Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác TSKCHTCNS nông thôn tập trung:</p> <p>a) Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định trên cơ sở:</p> <p>- Căn cứ tiêu chí số thu tiền nước của năm trước liền kề trước khi thực hiện cho thuê quyền khai thác, mức tăng trưởng của số hộ dân dùng nước hàng năm và các chi phí khác có liên quan.</p> <p>- Giá cho thuê trên thị trường của tài sản cùng loại hoặc có cùng tiêu chuẩn kỹ thuật, chất lượng tại thời điểm cho thuê.</p>	Bình Định	<p>Đề nghị bổ sung: “<i>đổi với TSKCHTCNS nông thôn được đầu tư, xây dựng mới, thời gian đưa vào khai thác sử dụng chưa đủ để hạch toán theo năm tài chính (tròn 12 tháng) thì giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác được xác định căn cứ theo tiêu chí mức tiêu kế hoạch, quy mô phục vụ cấp nước của dự án được phê duyệt</i>”</p>	<p>Tiếp thu bổ sung nội dung vào điểm rơi của điểm</p> <p>a) Giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác tài sản được xác định trên cơ sở:</p> <p>- Căn cứ tiêu chí số thu tiền nước của năm trước liền kề trước khi thực hiện cho thuê quyền khai thác, mức tăng trưởng của số hộ dân dùng nước hàng năm và các chi phí khác có liên quan.</p> <p><i>Đổi với tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung được đầu tư, xây dựng mới, thời gian đưa vào khai thác sử dụng chưa đủ để hạch toán theo năm tài chính (tròn 12 tháng) thì giá khởi điểm để đấu giá cho thuê quyền khai thác được xác định căn cứ theo tiêu chí mức tiêu kế hoạch, quy mô phục vụ cấp nước theo dự án được cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt</i></p>	<p>Tiếp thu hoàn thiện bổ sung a khoản 2 Điều 16 dự thảo ND (thay đổi thứ tự Điều).</p>

<p>3. Việc tổ chức thực hiện xác định giá khởi điểm....:</p> <p>Cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thuộc tổ chức có đủ điều kiện hoạt động thẩm định giá hoặc chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính và các cơ quan có liên quan thành lập Hội đồng định giá để xác định giá khởi điểm cho thuê quyền khai thác tài sản, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều này gửi Sở Tài chính thẩm định; trên cơ sở đó, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định.</p>	BRVT	<p>- Đề nghị bỏ cụm từ “<u>gửi Sở Tài chính thẩm định</u>” do trong thành phần của Hội đồng định giá đã có Sở Tài chính;</p>	<p>Đề nghị giữ nguyên; lý do: việc thuê tổ chức thẩm định giá hay Hội đồng định giá là xác định giá, trách nhiệm thẩm định giá là của Sở Tài chính.</p>	Giữ nguyên
<p>12</p> <p><b>Điều 19. Thu hồi TSKCHTCNS nông thôn tập trung</b></p> <p>1. Tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung bị thu hồi trong các trường hợp sau đây:</p> <p>đ) Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả;</p>	Bên Tre	<p>Đề nghị bổ sung “<u>và không bên vãng theo đánh giá hàng năm của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc UBND cấp tỉnh</u>”</p>	<p>Tiếp thu sửa đổi điểm d, bổ sung điểm đ như sau: Tài sản đã được giao nhưng không còn nhu cầu sử dụng hoặc việc khai thác không hiệu quả và không bên vãng theo đánh giá của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc UBND cấp tỉnh.</p> <p>đ) Tài sản bán đấu giá theo Điều 9 Nghị định này nhưng quá thời hạn thanh toán phải thu hồi theo quy định tại Nghị định này (Tiếp thu ý kiến tham gia của Hải Dương tại điểm 7)</p>	<p>Tiếp thu sửa đổi điểm d, bổ sung điểm đ khoản 1 Điều 18 dự thảo ND (thay đổi thứ tự Điều).</p>
<p>3. Tài sản thu hồi được xử lý như sau:</p> <p>a) Giao quản lý theo quy định tại Điều 5 Nghị định này;</p> <p>b) Điều chuyển theo quy định tại Điều 20 Nghị định này;</p> <p>c) Thanh lý theo quy định tại Điều 21 Nghị định này.</p>	Bộ Công Thương	<p>Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 88 Luật Quản lý, sử dụng TSC: <i>Việc xử lý, khai thác tài sản thu hồi trình cơ quan, người có thẩm quyền phê duyệt.</i> Do đó, tại khoản 3 Điều 19 và các quy định cụ thể về xử lý tài sản thu hồi (Điều 20, 21) dự thảo ND, đề nghị</p>	<p>Tại Điều 19 dự thảo Nghị định quy định thẩm quyền; trình tự, thủ tục việc thu hồi; các hình thức xử lý tài sản thu hồi gồm: (i) Giao quản lý theo Điều 5; (ii) điều chuyển theo Điều 20; (iii) thanh lý theo Điều 21. Theo đó tại các Điều này đã quy định đầy đủ phương án giao,</p>	Giữ nguyên (thay đổi thứ tự Điều là Điều 18)



	4. Trình tự, thủ tục thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung theo đề nghị của cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản:		rà soát, bổ sung quy định hướng dẫn về lập phương án xử lý, khai thác tài sản thu hồi	việc điều chuyển, việc thanh lý, trong đó có tài sản thu hồi được thực hiện theo các Điều này là đầy đủ về phương án xử lý, khai thác.	
13	<b>Điều 20. Điều chuyển TSKCHTCNS nông thôn tập trung</b> 2. Thẩm quyền quyết định điều chuyển TSKCHTCNS nông thôn tập trung: a) Thủ tướng Chính phủ quyết định điều chuyển tài sản từ cơ quan, đơn vị quản lý sang doanh nghiệp quản lý theo hình thức Nhà nước đầu tư vốn vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp theo đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các cơ quan có liên quan. ... c) Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định điều chuyển TSKCHTCNS nông thôn không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a Khoản này giữa các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý.	Khánh Hòa  Bình Định; Hà Giang	Đề nghị sửa lại là: <i>theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính trên cơ sở đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp và các cơ quan có liên quan (phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 42 Luật TSC)</i>  Đề nghị bổ sung "(c)... không thuộc phạm vi quy định tại Điểm a, <u>Điểm b</u> Khoản này"	TSKCHTCNS nông thôn tập trung thuộc phạm vi quản lý của UBND cấp tỉnh sẽ do UBND cấp tỉnh đề nghị Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định trên cơ sở có thể lấy thêm hoặc không lấy ý kiến của các Bộ, ngành liên quan.  Dự thảo quy định phù hợp vì không thuộc phạm vi quy định tại điểm a và thuộc phạm vi quản lý của địa phương (tức là không thuộc điểm b - thẩm quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính).	Giữ nguyên (thay đổi thứ tự Điều là Điều 19).
		Lạng Sơn	Đề nghị bổ sung vào điểm c điều chuyển cho DNNN	Không phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 42 Luật TSC	
14	<b>Điều 21. Thanh lý TSKCHTCNS nông thôn tập trung</b> 1. TSKCHTCNS nông thôn tập trung được thanh lý trong các trường hợp sau: a) Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả;	Khánh Hòa	Đề nghị bổ sung: Tài sản bị hư hỏng mà không thể sửa chữa được hoặc việc sửa chữa không có hiệu quả ( <i>đưa toàn chi phí sửa chữa lớn hơn 30% nguyên giá</i> ).	Đề nghị giữ nguyên vì đặc thù TSKCHTCNS nông thôn tập trung việc theo dõi giá trị nguyên giá tài sản là khó khăn, vướng mắc.	Giữ nguyên (thay đổi thứ tự Điều là Điều 20).
15	<b>Điều 23. Quản lý, sử dụng số tiền thu được từ xử lý TSKCHTCNS nông thôn tập trung</b> 2. Tài khoản tạm giữ được theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan, đơn vị có tài sản xử lý.	Khánh Hòa	Đề nghị bỏ nội dung này. Lý do: tài khoản tạm giữ của Sở Tài chính được theo dõi chi tiết theo số phát sinh của từng vụ việc, không theo dõi chi tiết đối với từng cơ quan, đơn vị	Đề nghị giữ nguyên như dự thảo đề thống nhất với việc quản lý tiền từ tài khoản tạm giữ quy định tại ND số 151/2017/NĐ-CP, các ND quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT giao thông, thủy lợi.	Giữ nguyên (đối với thứ tự là Điều 23)

<p>3.... Chi phí có liên quan đến việc xử lý tài sản gồm: ...b) Chi phí định giá, tổ chức bán (nếu có);</p>	<p>NHNN</p>	<p>Đề nghị bổ sung sửa là: b) <i>Chi phí định giá, tổ chức bán đấu giá tài sản</i> cho phù hợp với quy định tại Khoản 2 Điều 48 Luật Quản lý sử dụng tài sản công</p>	<p>Tiếp thu bổ sung điểm b khoản 3 Điều 23: b) <i>Chi phí định giá, tổ chức bán đấu giá tài sản</i></p>	<p>Tiếp thu bổ sung điểm b khoản 3 Điều 23 dự thảo ND. (đổi thứ tự thành Điều 23)</p>
<p>16 <b>Điều 26. Cơ sở dữ liệu về TSKCHTCNS nông thôn tập trung</b> 3. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản, cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Sở Tài chính thực hiện báo cáo kê khai, cập nhật dữ liệu về TSKCHTCNS nông thôn tập trung vào hệ thống Cơ sở dữ liệu về tài sản công theo quy định.</p>	<p>Sơn La  Hà Giang</p>	<p>Đề nghị quy định cụ thể về trình tự, thủ tục cập nhật cơ sở dữ liệu (đã được quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC, số 149/2015/TT-BTC) theo hướng như sau: - Sở NN &amp;PTNT chịu trách nhiệm nhập thông tin, dữ liệu... - Sở Tài chính thực hiện đối chiếu và chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin để duyệt đưa vào Cơ sở dữ liệu... Đề nghị bổ sung quy định rõ: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản <i>thực hiện lập báo cáo kê khai</i> gửi cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn <i>kiểm tra, tổng hợp, gửi</i> Sở Tài chính cập nhật dữ liệu về tài sản ...</p>	<p>Theo quy định về việc đăng nhập vào cơ sở dữ liệu về TSC là đơn vị được giao quản lý tài sản; tiếp thu làm rõ khoản 3 Điều 26 theo hướng cơ quan, đơn vị được giao quản lý tài sản cập nhật dữ liệu, <i>Sở NN&amp;PTNT chịu trách nhiệm xác nhận về số liệu, Sở Tài chính cập nhật vào cơ sở dữ liệu về TSC</i></p>	<p>Giải trình có bổ sung khoản 3 Điều 25 dự thảo Nghị định (thay đổi thứ tự Điều).</p>
<p>18 <b>Điều 27. Hình thức giao quản lý tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị</b> 1. Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị theo hình thức tăng vốn Nhà nước cho doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nước sạch. 2. Giao tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để quản lý và lập phương án quản lý, khai thác tài sản trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, phê duyệt theo các phương thức như sau:</p>	<p>Bộ Công Thương</p>	<p>Đề nghị bổ sung giao tài sản KCHTCNS đô thị cho "<i>doanh nghiệp có vốn nhà nước</i>" thay vì chỉ quy định giao tài sản cho DN do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ đảm bảo bao quát theo quy định tại khoản 4 Điều 75 Luật giao cho: "Doanh nghiệp"</p>	<p>Tiếp thu ý kiến tham gia này giải trình điểm 2 nêu trên, quy định chung vào Chương II, bỏ Chương III (Điều 28, Điều 28).</p>	<p>Bỏ Điều 27, 28 Gộp chung vào Chương II.</p>

	<p>a) Bán tài sản theo hình thức đấu giá cho tổ chức, cá nhân để quản lý, sử dụng theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan;</p> <p>b) Cho thuê quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị;</p> <p>c) Chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch đô thị.</p>				
	<p><b>Điều 28. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao TSKCHTCNS đô thị</b></p> <p>1. Thẩm quyền, trình tự, thủ tục giao TSKCHTCNS đô thị theo hình thức tăng vốn Nhà nước cho doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu 100% vốn điều lệ có chức năng sản xuất, kinh doanh nước sạch để thực hiện việc sản xuất, kinh doanh nước sạch theo quy định của pháp luật về quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư và sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp, pháp luật về doanh nghiệp, pháp luật về sản xuất, kinh doanh nước sạch và pháp luật có liên quan.</p>	Kon Tum; Cần Thơ;	Đề nghị bổ sung quy định về việc giao cho doanh nghiệp do Nhà nước sở hữu dưới 50% vốn điều lệ.	Tiếp thu ý kiến tham gia này giải trình điểm 2 nêu trên, quy định chung vào Chương II, bỏ Chương III (Điều 28, Điều 28).	Bỏ Điều 27, 28 Gộp chung vào Chương II.
19	<p><b>Điều 29. Xử lý tồn tại</b></p> <p>1. Trong thời hạn 45 ngày, kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn/đô thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan thực hiện</p>	Sơn La	Đề nghị sửa là 60 ngày	Tiếp thu sửa là 90 ngày	Tiếp thu sửa đổi khoản 1 Điều 26 dự thảo NĐ
...	<p>6. Đối với TSKCHTCNS nông thôn tập trung đã giao cho doanh nghiệp quản lý theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 5 Điều này, mà doanh nghiệp đã đầu tư mở rộng quy mô, công suất của tài sản được giao và doanh nghiệp đã phân bổ vào chi phí sản xuất, kinh doanh, tính đến trước</p>	Hải Dương	Đề nghị bổ sung đối tượng: <i>hợp tác xã</i>	Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013, số 76/2017/TT-BTC ngày 26/7/2017 của Bộ Tài chính không quy định giao tài sản (công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung) hợp tác xã, tổ hợp tác; đồng thời dự thảo Nghị định này không	Giữ nguyên

<p>ngày. Nghị định này có hiệu lực thi hành thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định <u>bản chỉ định</u> cho doanh nghiệp.</p>			<p>giao cho đối tượng là hợp tác xã vì không phù hợp với quy định Luật HTX năm 2012. Do đó, đề nghị quy định xử lý tồn tại bản chỉ định cho HTX (đối với trường hợp đã giao chưa đúng cho HTX và HTX đã đầu tư bổ sung) để HTX tiếp tục quản lý là không có cơ sở.</p>	Giữ nguyên
<p>7. Trình tự, thủ tục bán chi định TSKCHT/CNS nông thôn tập trung quy định tại khoản 6 Điều này như sau: Hồ sơ đề nghị bán chi định gồm: ... - Hồ sơ, tài liệu liên quan đến việc đầu tư tăng thêm vào tài sản (quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, quyết toán): 01 bản sao;</p>	Hải Dương	<p>Đề nghị bổ sung: ... (quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền, quyết toán hoặc bảng kê, chứng từ chi có xác nhận của cơ quan giao tài sản cho tổ chức quản lý): 01 bản sao; <i>Tổ chức được giao quản lý tài sản chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác của số liệu, hồ sơ của việc đầu tư tăng thêm vào tài sản.</i></p>	<p>Dự thảo: DN được giao, tạm giao tài sản chưa đúng chịu trách nhiệm về hồ sơ, tài liệu của việc đầu tư tăng thêm vào tài sản (có sự kiểm tra của cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn/đô thị cấp tỉnh).</p>	Tiếp thu sửa đổi các khoản 6, 7, 8 Điều 26 dự thảo Nghị định.
	Bộ Tư pháp	<p>Khoản 6, khoản 7 Điều 29 dự thảo Nghị định quy định trình tự, thủ tục bán chi định. Tuy nhiên, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công không có quy định việc bán chi định TSKCHT. Do đó, quy định này không phù hợp với Luật QL, SD TCS.</p>	<p>Đối với: (i) TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung đã giao cho đối tượng quản lý không đúng quy định của pháp luật; TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung tạm giao cho đối tượng quản lý; (ii) tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung hoàn thành đầu tư xây dựng, mua sắm trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa giao cho đối tượng quản lý; giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn thuộc UBND cấp tỉnh để lập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này. Về nguyên tắc, khi Luật Quản lý, sử dụng tài sản công có hiệu lực thi hành (01/01/2018), việc quản lý, sử dụng và khai thác tài sản, trong đó có TSKCHT cấp nước sạch nông</p>	

		<p>thôn tập trung phải thực hiện theo quy định của Luật; theo đó, việc quản lý, sử dụng và khai thác TSKCHT cấp nước sạch nông thôn tập trung đang được áp dụng theo quy định tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC, Thông tư số 76/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính cần được rà soát để đảm bảo các nội dung còn phù hợp với quy định của Luật. Do đó, đối với các vướng mắc của các địa phương tại điểm (i) (ii) nêu trên không được giải quyết cá biệt mà cần đưa vào xử lý chuyên tiếp tại Nghị định; theo đó, Bộ Tài chính đã có Công văn số 5161/BTC-QLCS ngày 28/4/2020 báo cáo Thủ tướng Chính phủ và đã được Phó Thủ tướng Chính phủ Trịnh Đình Dũng thông nhất chỉ đạo tại Công văn số 5517/V/PCP-NN ngày 08/7/2020 của Văn phòng Chính phủ: “Đồng ý với đề nghị của Bộ Tài chính tại văn bản nêu trên, Bộ Tài chính nghiên cứu có văn bản hướng dẫn chung các địa phương (trong đó có tỉnh Hai Dương) quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung cho đến khi có Nghị định mới về quản lý, sử dụng và khai thác tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch được ban hành và có hiệu lực thi hành để thực hiện đồng bộ, đảm bảo cấp nước an toàn, ổn định và hiệu quả cho người dân, tránh thất thoát tài sản công, giảm thủ tục, văn bản hành chính”.</p> <p>Tại Thông tư số 54/2013/TT-BTC, Thông tư số 76/2017/TT-BTC đã quy định việc giao công trình cho</p>
--	--	---

					doanh nghiệp không phải 100% vốn nhà nước theo phương thức nhận nợ (hoàn trả dần giá trị công trình), việc chuyển nhượng công trình theo phương thức đấu giá, chỉ định. Trên cơ sở đó, quy định cho xử lý chuyển tiếp theo hướng giao có hoàn trả giá trị tài sản cho NN đối với công trình giao DN có đầu tư tăng thêm, công trình xen kết.	
		Bộ NN&PTNT	Khoản 6, khoản 7 Điều 29 quy định thẩm quyền quyết định bán chi định báo cáo Thủ tướng Chính phủ; đề nghị: (i) bổ sung phần phân thẩm quyền quyết định bán chi định cho UBND cấp tỉnh theo mức giá trị công trình; (ii) TH thu hồi, xử lý khi không có DN đề nghị mua chi định	- Giải trình, tiếp thu như giải trình ý kiến Bộ Tư pháp tại điểm 19 nêu trên. - Đề nghị tại (ii) hướng dẫn TH doanh nghiệp không mua chi định: Thu hồi thực hiện theo quy định tại điểm c khoản 5 Điều 29 quy định: <i>Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện thu hồi tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch quy định tại các điểm a (TSKCHT nông thôn giao không đúng), b (TSKCHT nông thôn tạm giao quản lý), c (TSKCHT đô thị tạm giao quản lý), giao cho cơ quan chuyên môn về cấp nước sạch nông thôn/đó thị thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh để tập phương án giao, quản lý, khai thác tài sản theo quy định tại Nghị định này.</i>	Tiếp thu sửa đổi các khoản 6, 7, 8 Điều 26 dự thảo Nghị định. Giữ nguyên	
18	<b>Điều 30. Xử lý chuyển tiếp</b> 1. Đối với TSKCHTCNS nông thôn tập trung đã được cơ quan, người có thẩm quyền quyết định giao cho doanh nghiệp quản lý theo phương thức nhận nợ giá trị tài sản với Nhà nước theo quy định của pháp luật trước ngày Nghị định này có hiệu lực thì hành thi tiếp tục thực hiện theo quyết định của cơ quan, người có	Khánh Hòa	Đề nghị bổ sung: TSKCHTCNS đô thị	Tiếp thu quy định tại khoản 10 Điều 26 dự thảo Nghị định.	Tiếp thu quy định tại khoản 10 Điều 25 dự thảo Nghị định (thay đổi thứ tự Điều là Điều 26).	

19	<b>Điều 31. Trách nhiệm thi hành</b> 2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng có trách nhiệm: ...b) Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Xây dựng phối hợp với Bộ Tài chính, Bộ Xây dựng Cơ sở dữ liệu về tài sản kết cấu hạ tầng cấp nước sạch nông thôn tập trung, đô thị trên phạm vi cả nước và hướng dẫn việc tích hợp vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về tài sản công;	Bộ QP	Đề nghị bổ sung: - <i>Bộ Xây dựng hướng dẫn quy định năng lực, kinh nghiệm của đơn vị quản lý, vận hành TSKCHTCNS</i> - Quy định về quản lý, xây dựng đơn giá, cách thức áp dụng đơn giá nước sạch của đơn vị, doanh nghiệp, cung cấp để đồng bộ trong tổ chức thực hiện	Nghiên cứu tổng hợp ý kiến tham gia của Bộ Xây dựng, (hiện chưa có).			
20	<b>Một số nội dung khác</b>	Vinh Long	Dự thảo Nghị định phát sinh nhiều thủ tục hành chính nhưng chưa quy định cụ thể cách thức thực hiện: Mẫu đơn, tờ khai ... Do vậy, xem xét bổ sung đầy đủ yêu cầu của việc quy định thủ tục hành chính quy định tại Điều 8 Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 8/6/2010, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 1 Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 7/8/2017 của Chính phủ.				
	Thủ tục hành chính						
		Bộ NN&PTNT	Tại Mục D 1 ở trình "Đánh giá tác động của Nghị định" đề nghị: (i) bổ sung nguồn nhân lực, chi phí thực hiện các quy định sửa đổi, bổ sung quy định không còn phù hợp Thông tư 54/2013/TT-BTC,	Tiếp thu đánh giá nội dung (ii)		Nghiên cứu tiếp thu	

		<p>TT76/2017?TT-BTC của Bộ Tài chính; (ii) đánh giá tác động thủ tục hành chính phát sinh trong quá trình xử lý tài sản</p>		
<p>Về trình tự, thủ tục, kỹ thuật soạn thảo</p>	<p>Bộ Tư pháp</p>	<p>- Rà soát, chỉnh lý về thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản đảm bảo tuân thủ đúng quy định của Luật Ban hành VPQPPL năm 2015 và Chương V Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ.          Ví dụ: Điều 29 dự thảo quy định về xử lý tồn tại chính là quy định xử lý chuyển tiếp; do đó, gộp vào Điều 30          - Cơ quan chủ trì soạn thảo lấy ý kiến đối tượng chịu tác động của văn bản theo quy định của khoản 2 Điều 6 Luật Ban hành VPQPPL năm 2015; tổng hợp hoàn thiện dự thảo NĐ và hồ sơ liên quan gửi Bộ Tư pháp thẩm định theo quy định tại Điều 92 Luật Ban hành VPQPPL năm 2015.</p>	<p>Tiếp thu hoàn thiện          Gộp 02 thành 01 Điều là Điều 26: Điều khoản chuyển tiếp.</p>	<p>Tiếp thu hoàn thiện 26 dự thảo NĐ (thay đổi thứ tự Điều là Điều 26).</p>